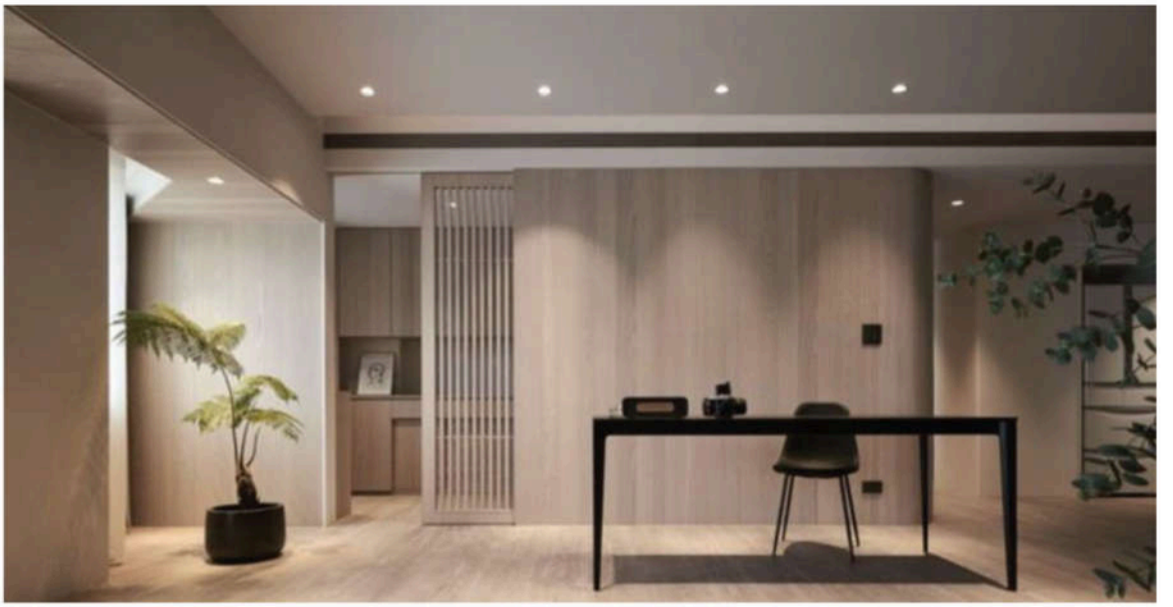
Vietlux
NÂNG TẦM ÁNH SÁNG VIỆT



CATALOG 2026

CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI THIẾT BỊ CHIẾU SÁNG VIETLUX

LED DOWNLIGHT







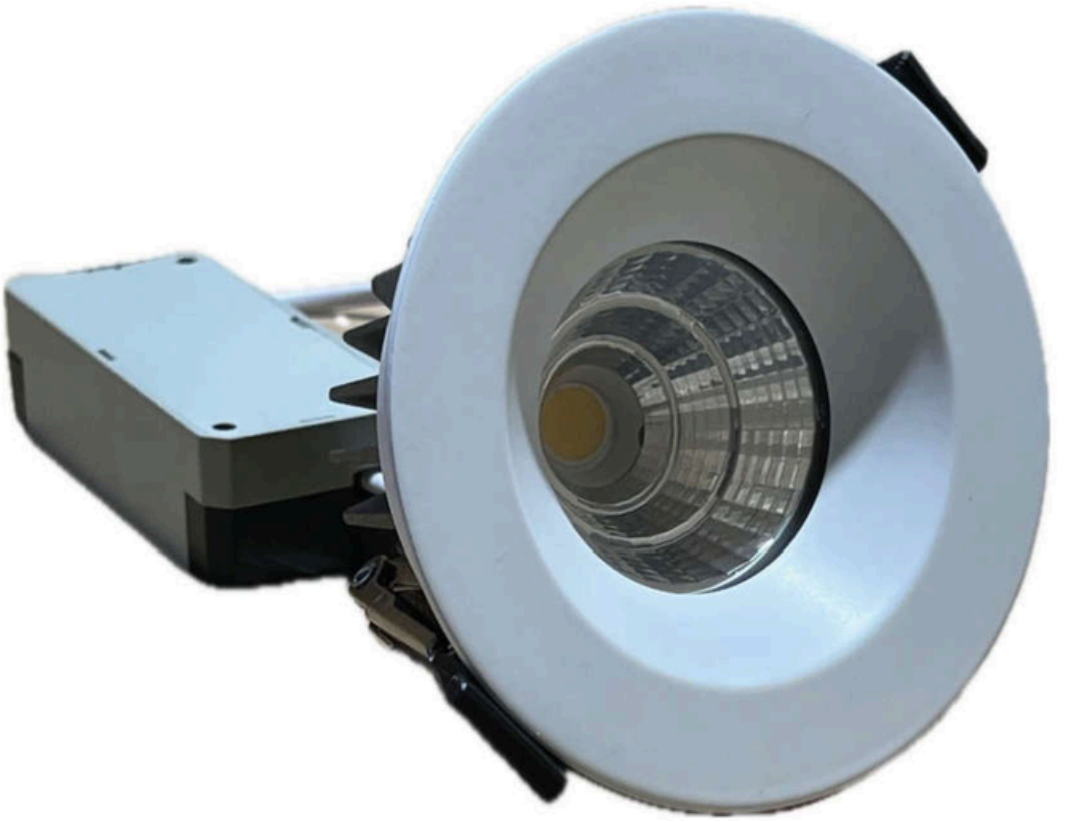




Thông số kỹ thuật:

Công suất	Chip LED	Điện áp	CCT	Quang thông	CRI	IP	Đường kính	Lỗ khoét
5W	Epistar 2835	85-265V	3000K-6500K	550lm	⩾85	IP20	98mm	65mm
7W				770lm			118mm	90mm
9-12W				1320lm			145mm	110mm

LED DOWNLIGHT CHỐNG ẨM



Thông số kỹ thuật:

Công suất	Chip LED	Điện áp	CCT	Quang thông	CRI	IP	Đường kính	Lỗ khoét
12W	Bridgelux COB	85-265V	3000K-6500K	1200lm	≥85	IP65	90mm	75mm
15W				1500lm		IP65	110mm	95mm

LED SPOTLIGHT



Thông số kỹ thuật:

Công suất	Chip LED	Driver	CCT	Quang thông	CRI	IP	Đường kính	Lỗ khoét
5-7W	Philips COB	Philips 85-305V	3000K-6500K	770lm	>90	IP20	74mm	65mm
9-12W				1320lm			85mm	75mm
15-18W				1980lm			104mm	95mm

LED ỐP NỔI



Thông số kỹ thuật:

Công suất	Tròn/ Vuông	Chip LED	Điện áp	CCT	Quang thông	CRI	IP	Kích thước ØxH(mm)
6W	tròn	Epistar 2835	85-265V	3000K-6500K	600lm	85	IP20	120 x32
12W	tròn				1200lm			170 x32
18W	tròn				1800lm			220 x32
24W	tròn				2400lm			300 x32
6W	Vuông				600lm			120 x120x32
12W	Vuông				1200lm			170 x170x32
18W	Vuông				1800lm			220 x220x32
24W	Vuông				2400lm			300 x300x32

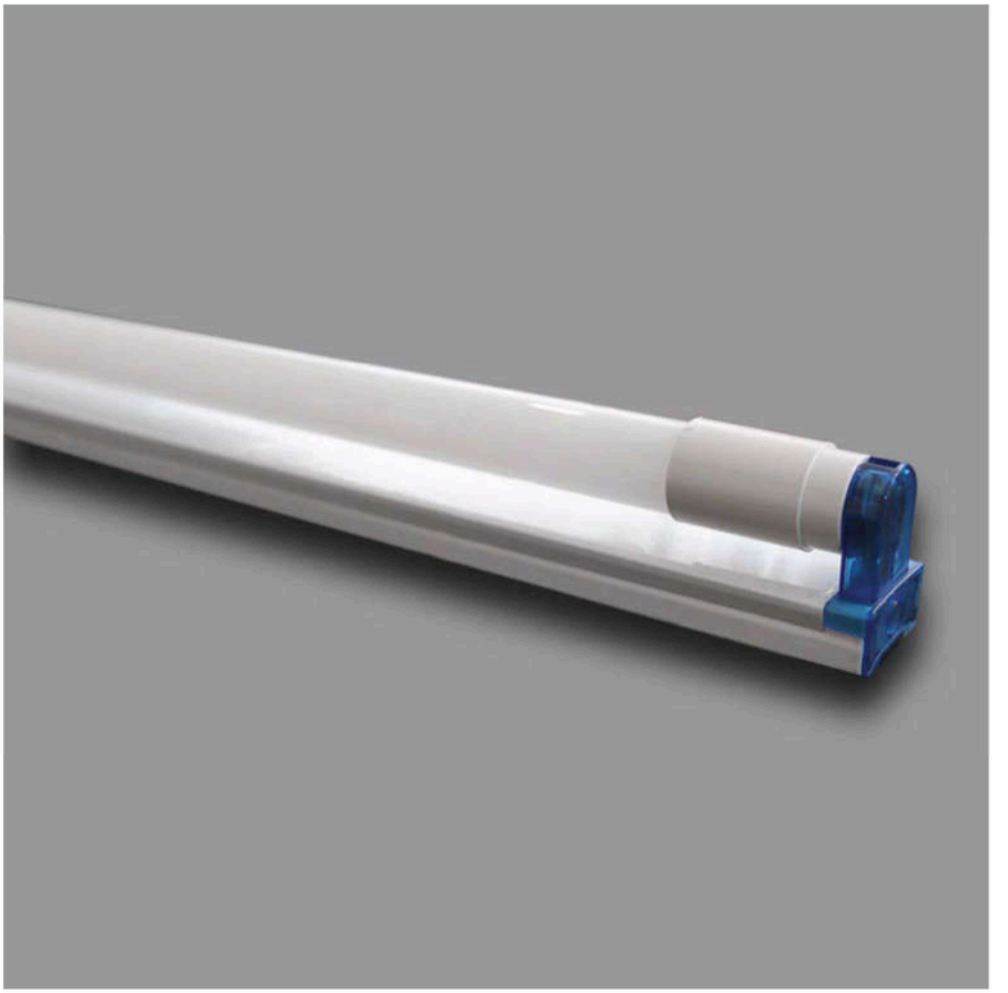
LED ỐP NỔI CẢM BIẾN



Thông số kỹ thuật:

Công suất	Tròn/ Vuông	Chip LED	Điện áp	CCT	Quang thông	CRI	IP	Kích thước ØxH(mm)
12W	tròn	Epistar 2835	85-265V	3000K-6500K	1200lm	85	IP20	170 x32
18W	tròn				1800lm			D220 x32
12W	Vuông				1200lm			170 x170x32
18W	Vuông				1800lm			220 x220x32

TUBE LED THỦY TINH

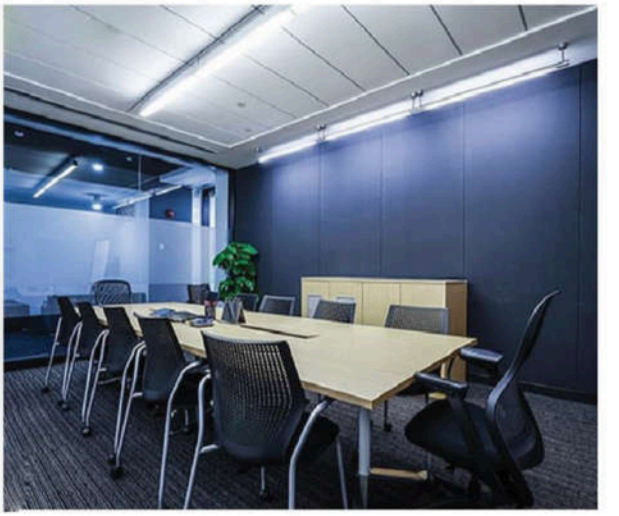


Thông số kỹ thuật:

Công suất	Chip LED	Điện áp	CCT	Quang thông	CRI	IP	Kích thước
10W	Epistar 2835	85-265V	3000K-6500K	1100lm	85	IP20	600mm
18W				1980lm			1200mm
25W				2750lm			1200mm
30W				3300lm			1200mm
40W				4400lm			1200mm

TUBE LED NHÔM NHỰA





Thông số kỹ thuật:

Công suất	Chip LED	Điện áp	CCT	Quang thông	CRI	IP	Kích thước
10W	Epistar 2835	85-265V	3000K-6500K	1100lm	85	IP20	600mm
18W				1980lm			1200mm
25W				2750lm			1200mm
36W				3960lm			1200mm

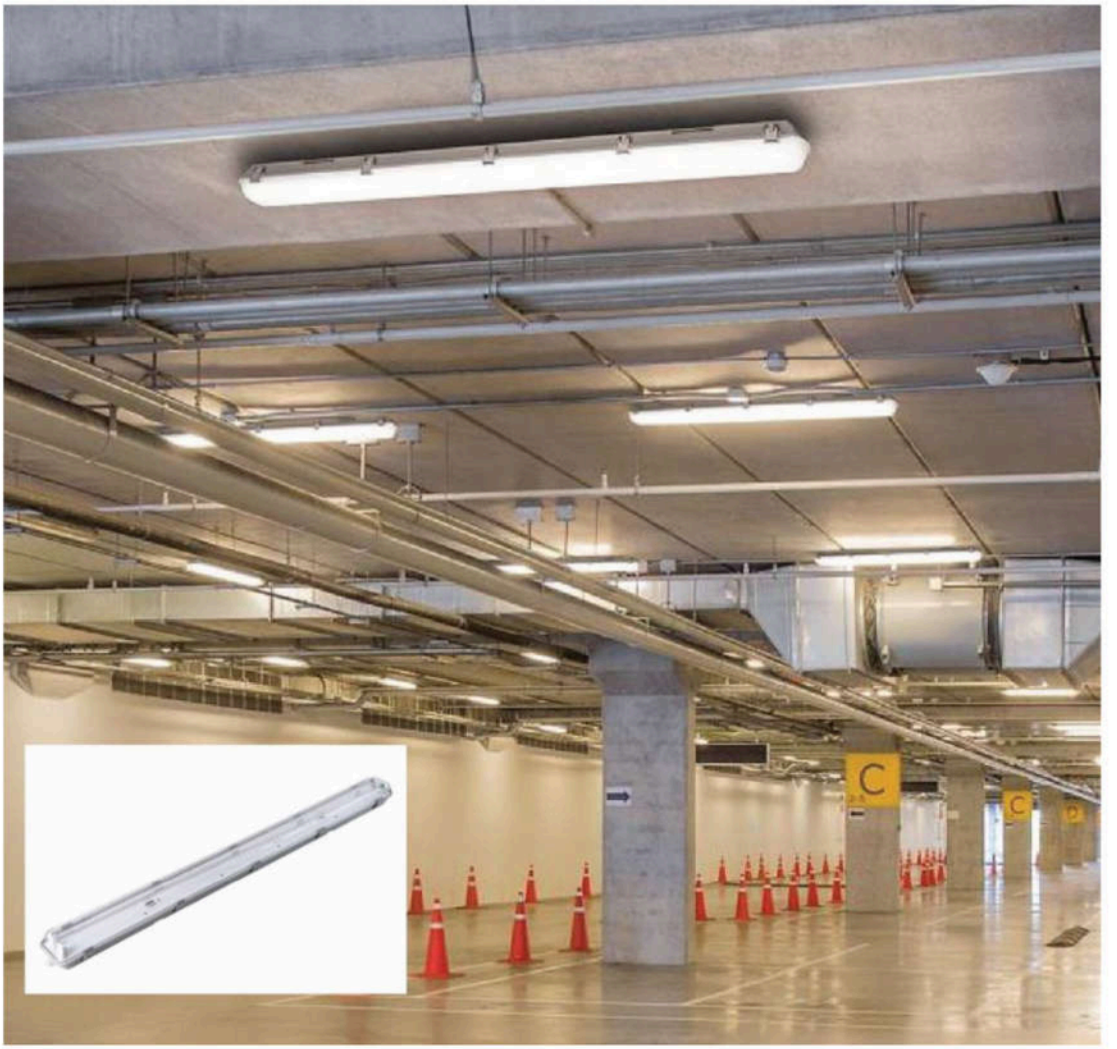
MÁNG LED CHỐNG NỔ



Thông số kỹ thuật:

Công suất	Chip LED	Điện áp	CCT	Quang thông	CRI	IP	Kích thước
T8/1x10W	Epistar 2835	85-265V	3000K-6500K	1100lm	85	IP65	670x95mm
T8/1x18W				1980lm			1260x96mm
T8/2x18W				3960lm			1270x170mm
T8/2x25W				5500lm			1270x170mm
T8/2x36W				7920lm			1270x170mm

MÁNG LED CHỐNG ẨM



Thông số kỹ thuật:

Công suất	Chip LED	Điện áp	CCT	Quang thông	CRI	IP	Kích thước
T8/1x10W	Epistar 2835	85-265V	3000K-6500K	1100lm	85	IP65	685x39x30mm
T8/1x18W				1960lm			1300x30x30mm
T8/2x18W				3960lm			1300x28x30mm
T8/2x25W				5500lm			1300x28x30mm
T8/2x36W				7920lm			1300x28x30mm

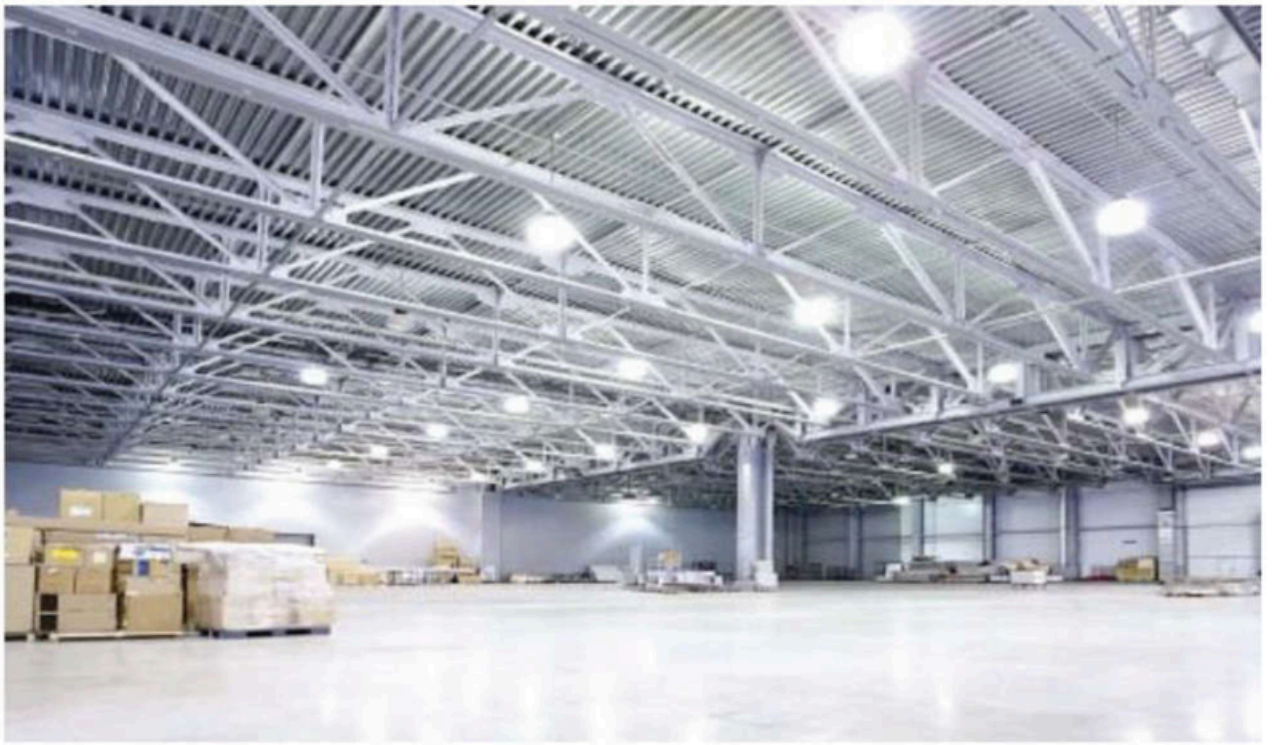
LED PANEL



Thông số kỹ thuật:

Công suất	Kích thước	Chip LED	Driver	CCT	Quang thông	PF	CRI	IP
24W	300x300mm	Bridgelux 2835	Philips 85-305V	3000K-6500K	2640lm	>0.9	85	IP20
42W	600x600mm				4620lm			
42W	300x1200mm				4620lm			
84W	600x1200mm				9240lm			

LED HIGHBAY LIGHT SMD





Thông số kỹ thuật:

Công suất :50W- 300W

Tần số: 50/60Hz

Nguồn sáng : Lumileds/Bridgelux

Hệ số công suất : >0.95

Hiệu suất phát sáng: ⩾120lm/w

Vật liệu: hợp kim nhôm

Quang thông	50W	6000lm
	70W	8400lm
	100W	12000lm
	150W	18000lm
	200W	24000lm
	250W	30000lm
	300W	36000lm

Kích thước	50W	D450 x H290mm
	70W	D450 x H290mm
	100W	D450 x H290mm
	150W	D450 x H290mm
	200W	D500 x H310mm
	250W	D500 x H410mm
	300W	D500 x H410mm

Màu sắc sáng : trắng/vàng/trung tính

Nắp che quang học :nhựa Polyamind

Nhiệt độ màu : 6500K/3000K/4000K

Chao đèn: nhôm

Chỉ số hoàn màu : ≥85

Kiểu lắp đặt: xích treo

Góc mở: 45/60/90/120°

Nhiệt độ làm việc : -30°～ 65 °

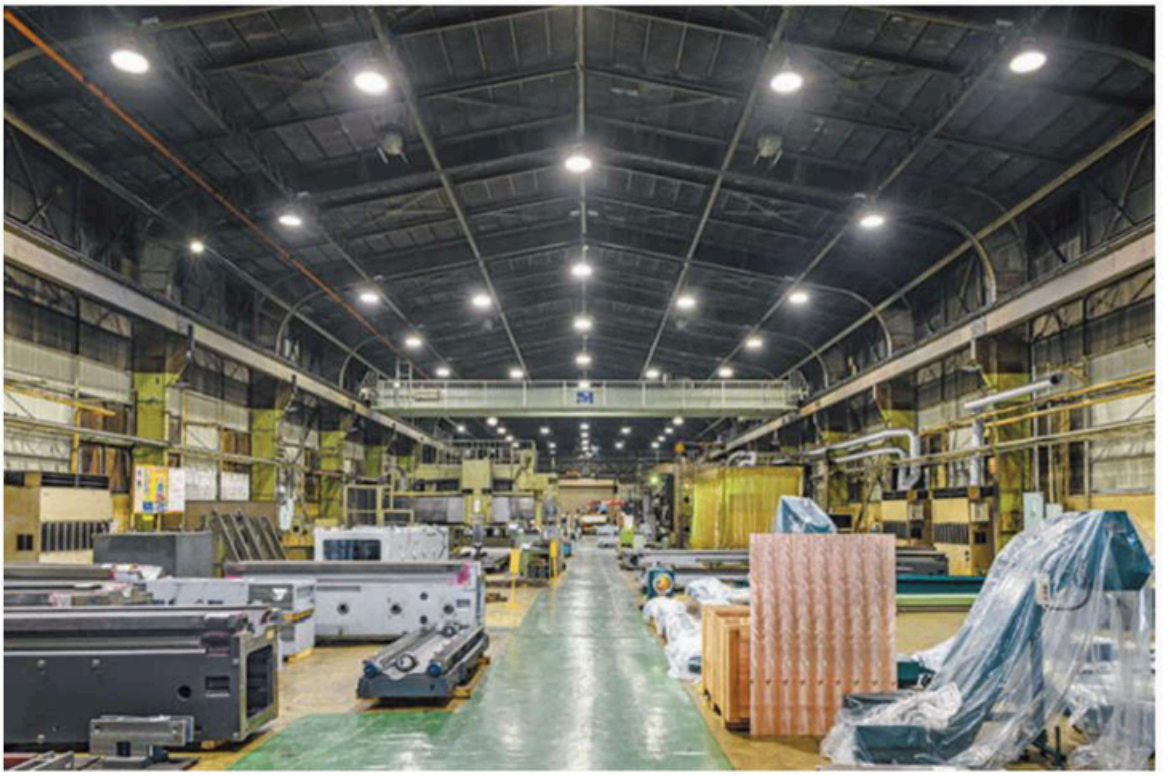
Driver : PHILIPS /DONE/LY

Tuổi thọ: 30000h

Điện áp sử dùng: 220-240Vac

Thời gian bảo hành : 2 năm

LED HIGHBAY LIGHT COB











Thông số kỹ thuật:

Công suất : 100W-400W

Tấn số: 50/60Hz

Nguồn sáng : philips/bridgelux

Hệ số công suất : >0.95

Hiệu suất phát sáng: 110lm/w

Vật liệu: hợp kim nhôm

Quang thông	100W	11000lm
	150W	16500lm
	200W	22000lm
	250W	27500lm
	300W	33000lm
	400W	44000lm

Kích thước	100W	D450 x H290mm
	150W	D450 x H290mm
	200W	D500 x H310mm
	250W	D500 x H410mm
	300W	D500 x H410mm
	400W	D565 x H410mm

Màu sắc sáng : trắng/vàng/trung tính

Nắp che quang học :kính thủy tinh

Nhiệt độ màu : 6500K/3000K/4000K

Chao đèn: nhôm

Chỉ số hoàn màu : ≥70

Kiểu lắp đặt: xích treo

Góc mở: 45/60/90/120°

Nhiệt độ làm việc : -30°～ 65 °

Driver : PHILIPS /DONE/LY

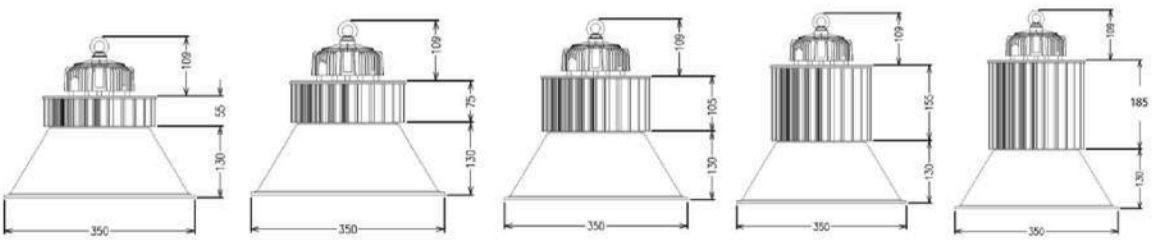
Tuổi thọ: 30000h-50000h

Điện áp sử dùng: 220-240Vac

Thời gian bảo hành : 2 -5năm

LED HIGHBAY LIGHT





Thông số kỹ thuật:

Công suất : 50W-250W

Tần số: 50/60Hz

Nguồn sáng : philips /bridgelux

Hệ số công suất : >0.95

Hiệu suất phát sáng: ≥120lm/w

Vật liệu: hợp kim nhôm

Quang thông	50W	6000lm
	100W	12000lm
	150W	18000lm
	200W	24000lm
	240W	28800lm

Kích thước	50W	D350 x H294mm
	100W	D350 x H314mm
	150W	D350 x H344mm
	200W	D350 x H394mm
	250W	D350 x H424mm

Màu sắc sáng : trắng/vàng/trung tính

Nắp che quang học :kính thủy tinh

Nhiệt độ màu : 6500K/3000K/4000K

Chao đèn: nhôm

Chỉ số hoàn màu : ≥70

Kiểu lắp đặt: xích treo

Góc mở: 60/90/120°

Nhiệt độ làm việc : -30°～ 65 °

Driver : PHILIPS / MEANWELL/ SOSEN/DONE/LY

Tuổi thọ: 30000h-50000h

Điện áp sử dùng: 220-240Vac

Thời gian bảo hành : 2 -5năm

LED HIGHBAY LIGHT









Thông số kỹ thuật:

Công suất : 300W-2000W

Tấn số: 50/60Hz

Nguồn sáng : philips /bridgelux

Hệ số công suất : >0.95

Hiệu suất phát sáng: ≥110lm/w

Vật liệu: hợp kim nhôm

Quang thông	300W	33000lm
	400W	44000lm
	600W	66000lm
	800W	88000lm
	1000W	110000lm
	1200W	132000lm
	1500W	165000lm
	2000W	220000lm

Kích thước	300W	D360 x H320mm
	400W	D360 x H320mm
	600W	D425 x H385mm
	800W	D445 x H470mm
	1000W	D445 x H470mm
	1200W	D500 x H470mm
	1500W	D600 x H470mm
	2000W	D600 x H500mm

Màu sắc sáng : trắng/vàng/trung tính

Nắp che quang học :kính thủy tinh

Nhiệt độ màu : 6500K/3000K/4000K

Chao đèn: nhôm

Chỉ số hoàn màu : ≥80

Kiểu lắp đặt: xích treo

Góc mở: 60/90/120°

Nhiệt độ làm việc : -30°～ 65 °

Driver : PHILIPS / MEANWELL/ HQ//DONE/LY

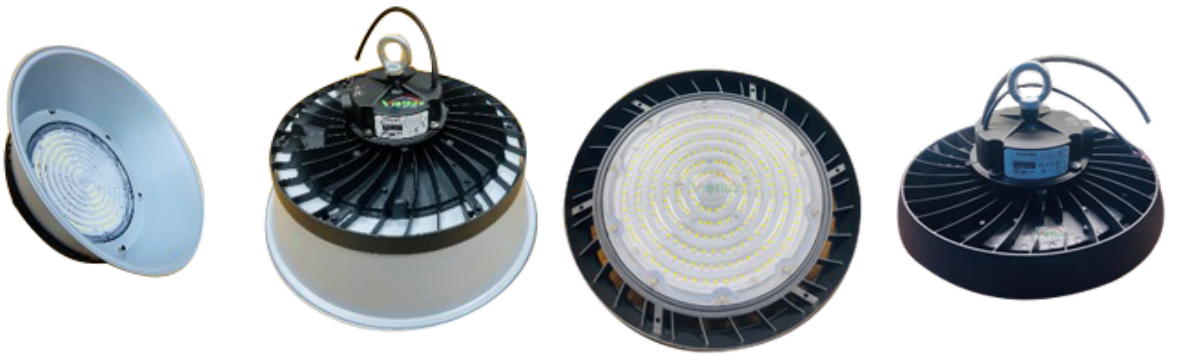
Tuổi thọ: 30000h-50000h

Cấp bảo vệ: IP65

Điện áp sử dùng: 220-240Vac

Thời gian bảo hành : 2 -3năm

LED HIGHBAY LIGHT UFO







Thông số kỹ thuật:

Công suất : 50W – 250W

Tần số: 50/60Hz

Nguồn sáng : Philips Lumileds 3030

Hệ số công suất : >0.95

Hiệu suất phát sáng: ≥160lm/W

Vật liệu: nhôm đúc áp lực cao

Quang thông		
	50W - 100W	8000 - 16000lm
	[illegible]	[illegible]
	130W - 200W	20.800 - 32000lm
	180W - 250W	28.800 - 40000lm

Kích thước		
	50W - 100W	[illegible]
	[illegible]	[illegible]
	130W - 200W	D350 x H95mm
	180W - 250W	D350 x H95mm

Màu sắc sáng : trắng/vàng/trung tính

Kiểu dáng: [illegible]

Nhiệt độ màu : 6500K/3000K/4000K

Màu vỏ : đen

Chỉ số hoàn màu : ≥70

Kiểu lắp đặt: xích treo

Góc mở: 90/120°

Nhiệt độ làm việc: -30° ~ 65 °

Driver : PHILIPS SOSEN/DONE/LY

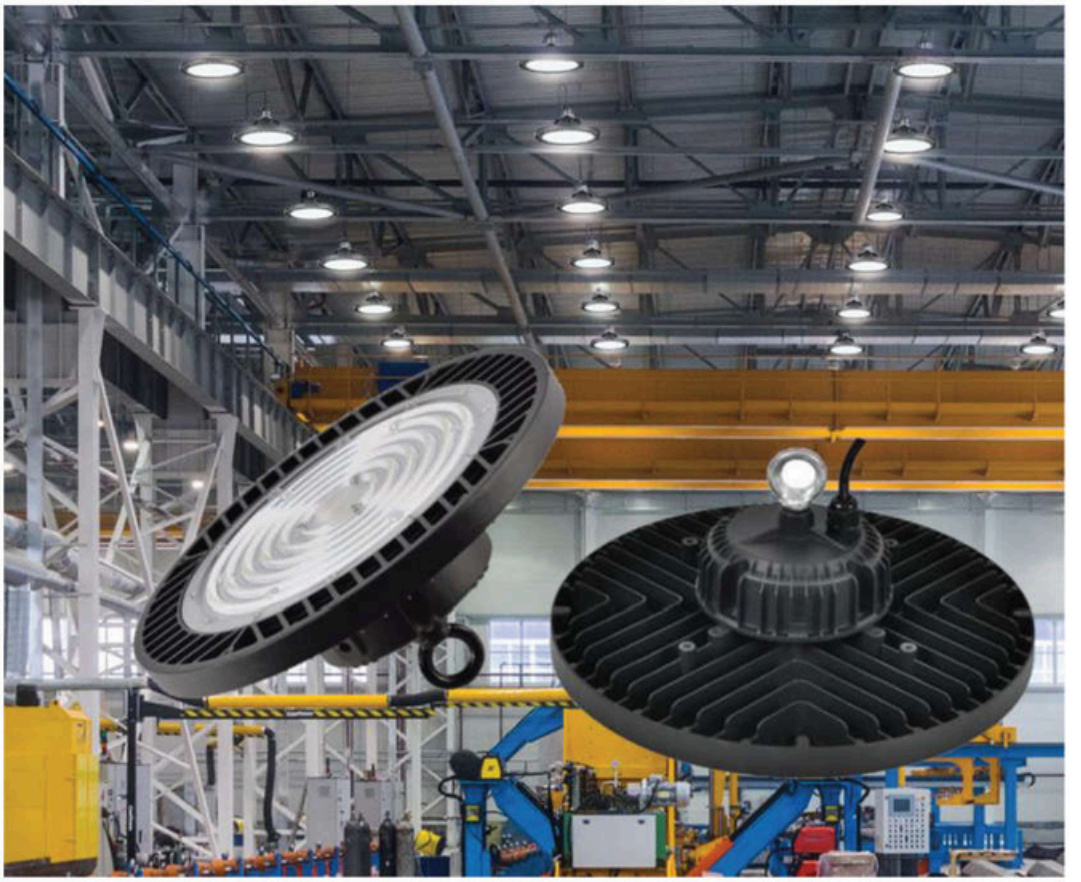
Tuổi thọ: 30.000h - 50.000h

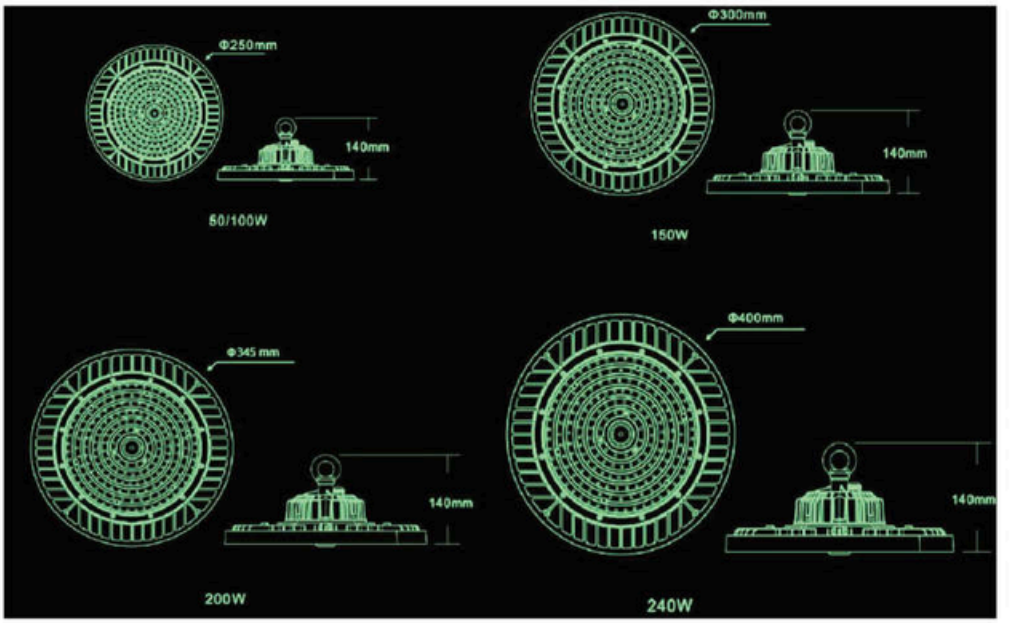
Cấp bảo vệ: IP65

Điện áp sử dụng: 220-240Vac

Thời gian bảo hành : 3-5 năm

LED HIGHBAY LIGHT UFO





Thông số kỹ thuật:

Công suất : 50W – 250W

Nguồn sáng : Philips Lumileds 3030

Hiệu suất phát sáng: ≥160lm/W

Tần số: 50/60Hz

Hệ số công suất : >0.95

Vật liệu: nhôm đúc áp lực cao

Quang thông	50W – 100W	8000 - 1600lm
	70W - 150W	11.200 - 24000lm
	130W – 200W	20.800 - 32000lm
	180W - 250W	28.800 - 40000lm

Kích thước	50W - 100W	D250 x H85mm
	70W - 150W	D300x H90mm
	130W - 200W	D350 x H95mm
	180W - 250W	D350 x H95mm

Màu sắc sáng : trắng/vàng/trung tính

Nhiệt độ màu : 6500K/3000K/4000K

Chỉ số hoàn màu : ≥70

Góc mở: 90/120°

Driver : PHILIPS

SOSEN/DONE/LY

Điện áp sử dùng: 220-240Vac

Nắp che quang học :nhựa Polyamind

Màu vỏ : đen

Kiểu lắp đặt: xích treo

Nhiệt độ làm việc : -30°~ 65 °

Tuổi thọ: 30.000h - 50.000h

Cấp bảo vệ: IP65

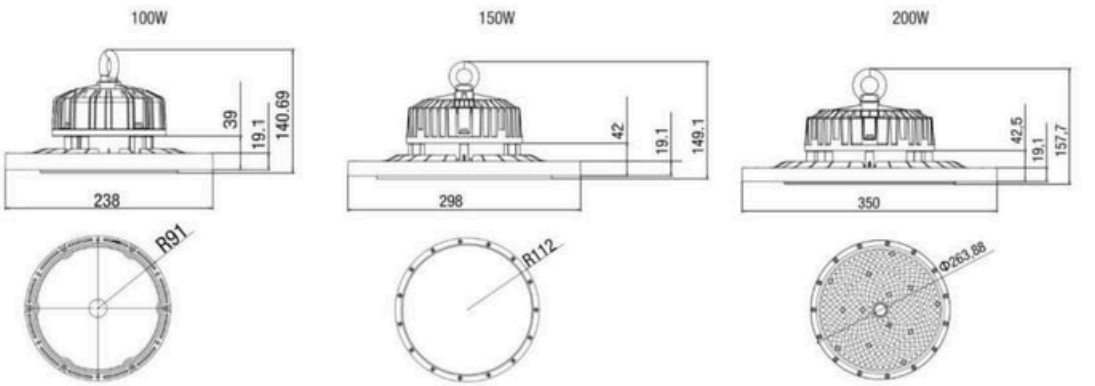
Thời gian bảo hành : 3-5 năm

LED HIGHBAY LIGHT UFO











Thông số kỹ thuật:

Công suất : 50W – 250W

Tần số: 50/60Hz

Nguồn sáng : Philips Lumileds 3030

Hệ số công suất : >0.95

Hiệu suất phát sáng: ≥160lm/W

Vật liệu: nhôm đúc áp lực cao

Quang thông	50W – 100W	8000 - 1600lm
	70W - 150W	11.200 - 24000lm
	130W – 200W	20.800 - 32000lm
	180W - 250W	28.800 - 40000lm

Kích thước	50W - 100W	D250 x H85mm
	70W - 150W	D300x H90mm
	130W - 200W	D350 x H95mm
	180W - 250W	D350 x H95mm

Màu sắc sáng : trắng/vàng/trung tính

Nắp che quang học :nhựa Polyamind

Nhiệt độ màu : 6500K/3000K/4000K

Màu vỏ : đen

Chỉ số hoàn màu : ≥70

Kiểu lắp đặt: xích treo

Góc mở: 90/120°

Nhiệt độ làm việc : -30°~ 65 °

Driver : PHILIPS

Tuổi thọ: 30.000h - 50.000h

SOSEN/DONE/LY

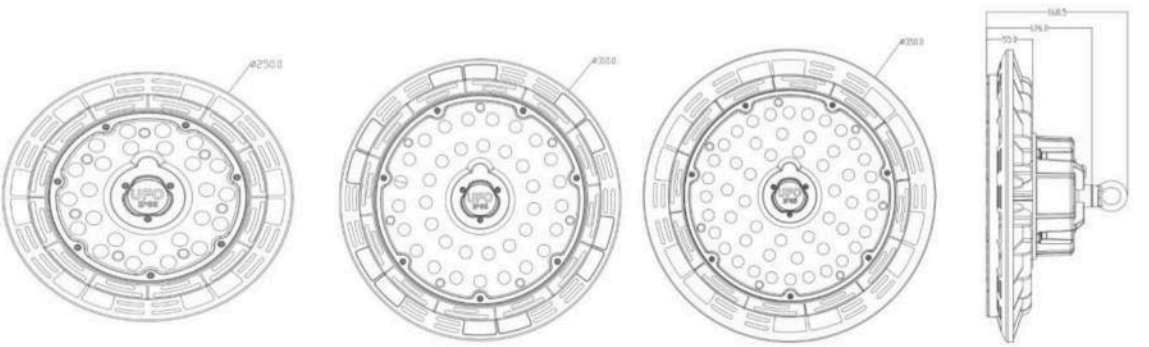
Cấp bảo vệ: IP65

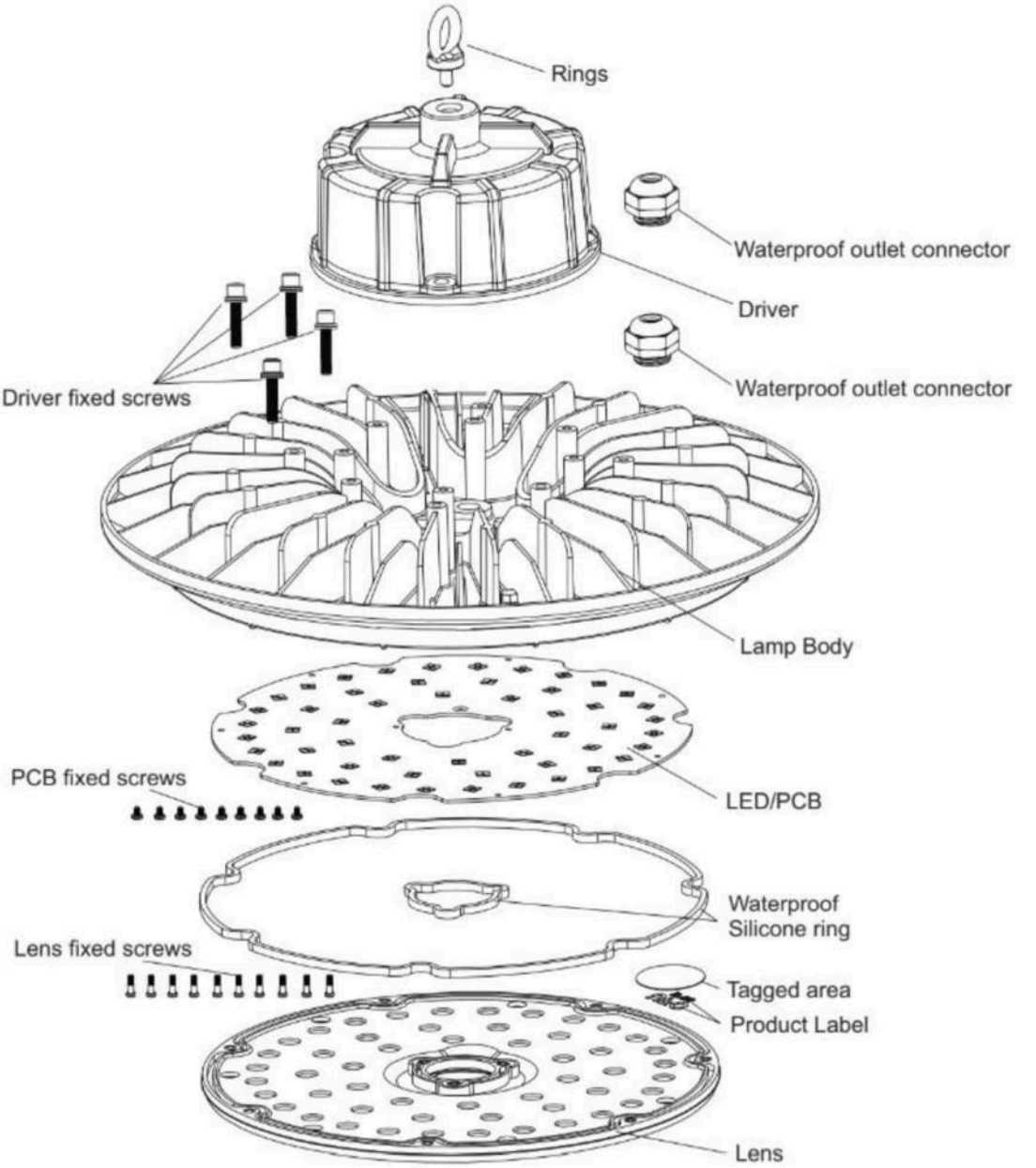
Điện áp sử dùng: 220-240Vac

Thời gian bảo hành : 3-5 năm

LED LED HIGHBAY LIGHT UFO






Rings
Waterproof outlet connector
Driver
Waterproof outlet connector
Driver fixed screws
Lamp Body
PCB fixed screws
LED/PCB
Waterproof
Silicone ring
Lens fixed screws
Tagged area
Product Label
Lens

Thông số kỹ thuật:

Công suất : 50W – 250W

Nguồn sáng : Philips Lumileds 3030

Hiệu suất phát sáng: ≥160lm/W

Tần số: 50/60Hz

Hệ số công suất : >0.95

Vật liệu: nhôm đúc áp lực cao

Quang thông	50W – 100W	8000 - 1600lm
	70W - 150W	11.200 - 24000lm
	130W – 200W	20.800 - 32000lm
	180W - 250W	28.800 - 40000lm

Kích thước	50W - 100W	D250 x H85mm
	70W - 150W	D300x H90mm
	130W - 200W	D350 x H95mm
	180W - 250W	D350 x H95mm

Màu sắc sáng : trắng/vàng/trung tính

Nhiệt độ màu : 6500K/3000K/4000K

Chỉ số hoàn màu : ≥70

Góc mở: 90/120°

Driver : PHILIPS

SOSEN/DONE/LY

Điện áp sử dùng: 220-240Vac

Nắp che quang học :nhựa Polyamind

Màu vỏ : đen

Kiểu lắp đặt: xích treo

Nhiệt độ làm việc : -30°~ 65 °

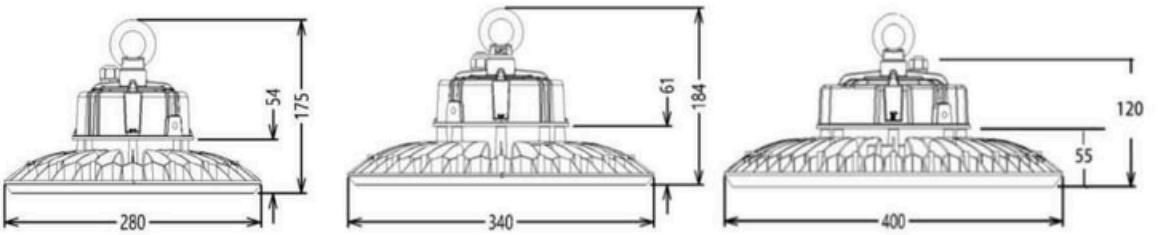
Tuổi thọ: 30.000h - 50.000h

Cấp bảo vệ: IP65

Thời gian bảo hành : 3-5 năm

LED HIGHBAY LIGHT UFO





OSRAM PHILIPS BRIDGELUX
CREE LUMILEDS DONE

Thông số kỹ thuật:

Công suất : 50W – 250W

Tần số: 50/60Hz

Nguồn sáng : Philips Lumileds 3030

Hệ số công suất : >0.95

Hiệu suất phát sáng: ≥160lm/W

Vật liệu: nhôm đúc áp lực cao

Quang thông	50W – 100W	8000 - 1600lm
	70W - 150W	11.200 - 24000lm
	130W – 200W	20.800 - 32000lm
	180W - 250W	28.800 - 40000lm

Kích thước	50W - 100W	D250 x H85mm
	70W - 150W	D300x H90mm
	130W - 200W	D350 x H95mm
	180W - 250W	D350 x H95mm

Màu sắc sáng : trắng/vàng/trung tính

Nắp che quang học :nhựa Polyamind

Nhiệt độ màu : 6500K/3000K/4000K

Màu vỏ : đen

Chỉ số hoàn màu : ≥70

Kiểu lắp đặt: xích treo

Góc mở: 90/120°

Nhiệt độ làm việc : -30°~ 65 °

Driver : PHILIPS

Tuổi thọ: 30.000h - 50.000h

SOSEN/DONE/LY

Cấp bảo vệ: IP65

Điện áp sử dùng: 220-240Vac

Thời gian bảo hành : 3-5 năm

LED HIGHBAY UFO CHỐNG NỔ













Thông số kỹ thuật:

Công suất : 100W – 300W

Tấn số: 50/60Hz

Nguồn sáng : Bridgelux 3030

Hệ số công suất : >0.95

Hiệu suất phát sáng: ≥120lm/W

Vật liệu: nhôm đúc áp lực cao

Quang thông	50W – 100W	6000 – 12.00lm
	70W - 150W	8.400 – 18.000lm
	130W – 200W	15.600 – 24.000lm
	180W - 250W	21.600 – 36.000lm

Kích thước	50W - 100W	265mm
	70W - 150W	265mm
	130W - 200W	320mm
	180W - 250W	365mm

Màu sắc sáng : trắng/vàng/trung tính

Mặt kính: Thủy tinh cường lực

Nhiệt độ màu : 6500K/3000K/4000K

Màu vỏ : đen

Chỉ số hoàn màu:≥70

Kiểu lắp đặt: tai quoai

Góc mở: 90/120°

Nhiệt độ làm việc : -30°～ 65 °

Driver : PHILIPS

Tuổi thọ: 30.000h - 50.000h

SUNCOM/DONE/LY

Cấp bảo vệ: IP40

Điện áp sử dùng: 220-240Vac

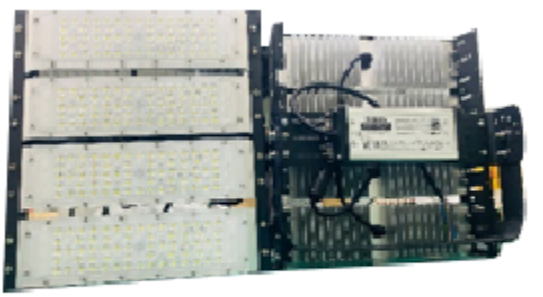
Thời gian bảo hành : 2-5 năm

PHA LED MODULE











!
!

!"#$%&'(&)*&+",-+.&

!"#$%&'()%*%+,-%.%/,,-%%%%%%%%%%%%%%%%%%%%%%%%%%%%%%%%%%%%%%%

5$'6#%&7#$%*%89:;:<&%='>:;?@&%/A%=BC%D,D,%%%%%%%%%%%%%3E%&1%F"

3:E'%&'()%<97)%&7#$*%JK+,;>2L%%%%%%%%%%%%%%%%%%%%%%%%%%%%%%%%%

*+,!	0++,!	-*++./!
"#$!%&!	0*+,!	0*+++./!
		11*++./!
'()%&!	1++,!	2++++./!
	1*+,!	2-*++./!
	2++,!	3*+++./!
	3++,!	4++++./!
	*++,!	-*+++./!
	4++,!	5++++./!

%
%
%
%%
%%
%%
%
%

!	*+,!	;+<21+<11+//!
! 678(! '(9:8!	0++,!	0*4<21+<//!
	0*+,!	124<21+<11+//!
	1++,!	204<21+<11+//!
	1*+,!	254<21+<11+//!
	2++,!	124<4*+<14+//!
	3++,!	204<4*+<14+//!
	*++,!	254<4*+<14+//!
	4++,!	3-1<4*+<14+//!

5T<%F9?%U'R#$%9VF%*#9QR%8S;WR>:#@%%%%

XY'%&TF%&7#$%*%)ZT#$2[Y#$2)Z'#$%)\#9%%%%%%%%%%%%%%%%%%%

59:E)%@]%>Y'%*%/+,,2^D,,,2^A,,,%^%%%%%%%%%%%%%%%XY'%*%_?#%$9:%

!9`%&1%9SY#%>Y'%*%%Ja,%%%%%%%%%%%%%%%%%%%%%%%%%%%%%%%%%%%%%%%

deF%>f*%a,2KA,g%%

CZ:[?Z%*%%83h=h8i%2%h5MB50jk5h!2%%%%%%%%%%%%%0'l:%)9V*%D,,,,9.+,,,,9%

XBm5-B==2Ck5B%%%

_:E#%7<%&p%@q#$*%K,,.raaMRF%%%%%%%%%%%%%%%%%%%%%%%%%%09s:

!

LED FLOOD LIGHT SMD





Thông số kỹ thuật:

Công suất : 30W-200W

Tấn số: 50/60Hz

Nguồn sáng : Bridgelux 5054

Hệ số công suất : >0.95

Hiệu suất phát sáng: 110lm/w

Vật liệu: nhôm đúc áp lực cao

Quang thông	30W	3300lm
	50W	5500lm
	100W	11000lm
	150W	16500lm
	200W	22000lm

Kích thước	30W	L192xW172xH50mm
	50W	L240xW210xH60mm
	100W	L285xW255xH70mm
	150W	L345xW315xH75mm
	200W	L380xW350xH90mm

Màu sắc sáng : trắng/vàng/trung tính

Nắp che quang học :kính thủy tinh

Nhiệt độ màu : 6500K/3000K/4000K

Chao đèn: nhôm

Chỉ số hoàn màu : ≥80

Kiểu lắp đặt: giá treo

Góc mở: 120°

Nhiệt độ làm việc : -30°～ 65 °

Driver : PHILIPS /DONE/LY

Tuổi thọ: 30000h-50000h

Điện áp sử dùng: 220-240Vac

Cấp bảo vệ: IP66

Thời gian bảo hành : 2-3 năm

LED FLOOD LIGHT SMD





Thông số kỹ thuật:

Công suất : 50W-200W

Tấn số: 50/60Hz

Nguồn sáng : Philips/Bridgelux

Hệ số công suất : >0.95

Hiệu suất phát sáng: ≥110lm/w

Vật liệu: nhôm đúc áp lực cao

Quang thông	50W	5500lm
	100W	11000lm
	150W	16500lm
	200W	22000lm

Kích thước	50W	L240xW210xH60mm
	100W	L285xW255xH70mm
	150W	L345xW315xH75mm
	200W	L380xW350xH90mm

Màu sắc sáng : trắng/vàng/trung tính

Nắp che quang học :kính thủy tinh

Nhiệt độ màu : 6500K/3000K/4000K

Chao đèn: nhôm

Chỉ số hoàn màu : ≥70

Kiểu lắp đặt: giá treo

Góc mở: 120°

Nhiệt độ làm việc : -30°～ 65 °

Driver : PHILIPS /DONE/LY

Tuổi thọ: 30000h-50000h

Điện áp sử dụng: 220-240Vac

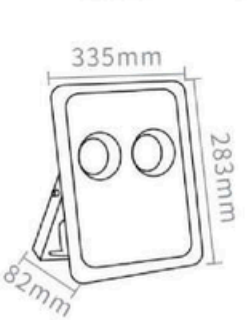
Cấp bảo vệ: IP66

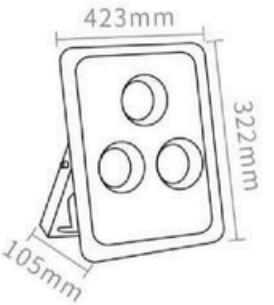
Thời gian bảo hành : 2-3 năm

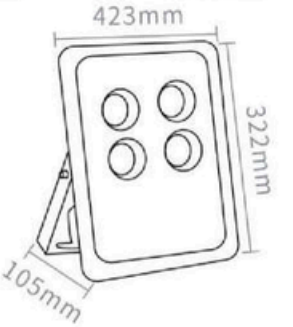
LED FLOOD LIGHT

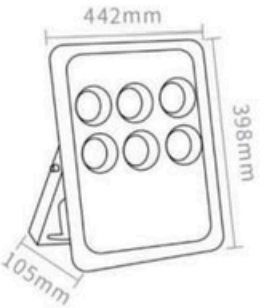


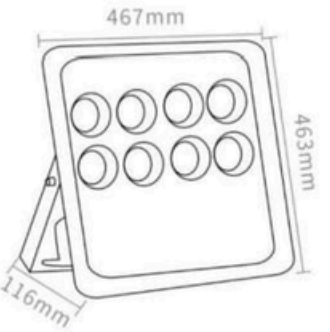


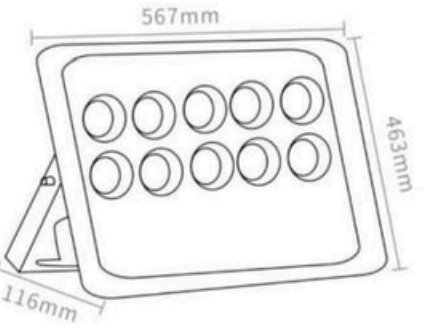












OSRAM PHILIPS BRIDGELUX

CREE LUMILEDS DONE

Thông số kỹ thuật:

Công suất : 100W-500W

Tấn số: 50/60Hz

Nguồn sáng : Philips/Bridgelux

Hệ số công suất : >0.95

Hiệu suất phát sáng: 110lm/w

Vật liệu: nhôm đúc áp lực cao

Quang thông	100W	11000lm
	150W	16500lm
	200W	22000lm
	300W	33000lm
	400W	44000lm
	500W	55000lm

Kích thước	100W	L335xW283xH90mm
	150W	L423xW322xH105mm
	200W	L423xW322xH105mm
	300W	L442xW398xH105mm
	400W	L467xW463xH116mm
	500W	L567xW463xH116mm

Màu sắc sáng : trắng/vàng/trung tính

Nắp che quang học :kính thủy tinh

Nhiệt độ màu : 6500K/3000K/4000K

Chao đèn: nhôm

Chỉ số hoàn màu : ≥70

Kiểu lắp đặt: giá treo

Góc mở: 90°

Nhiệt độ làm việc : -30°～ 65 °

Driver : PHILIPS /DONE/LY

Tuổi thọ: 30000h-50000h

Điện áp sử dùng: 220-240Vac

Cấp bảo vệ: IP66

Thời gian bảo hành : 2-3 năm

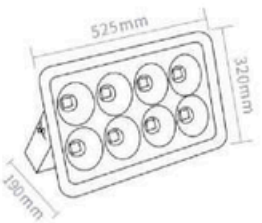
LED FLOOD LIGHT

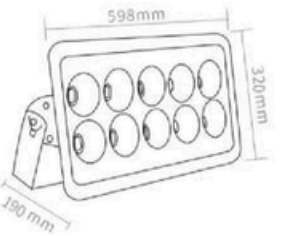


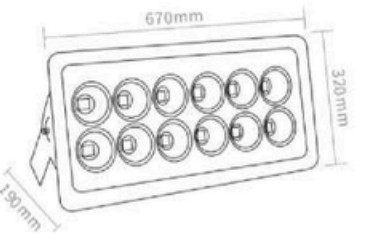


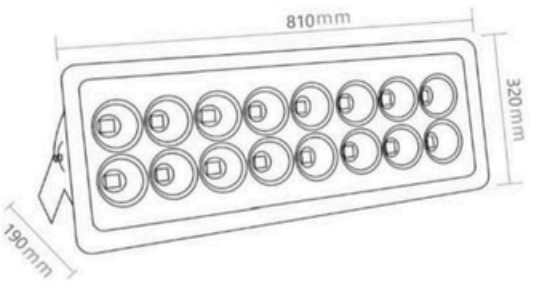


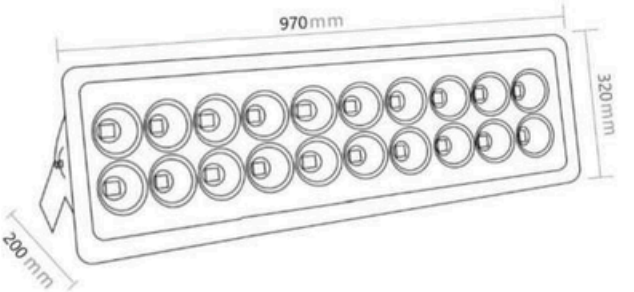












Thông số kỹ thuật:

Công suất : 400W-1000W

Tấn số: 50/60Hz

Nguồn sáng : Philips/Bridgelux

Hệ số công suất : >0.95

Hiệu suất phát sáng: 110lm/w

Vật liệu: nhôm đúc áp lực cao

Quang thông	400W	44000lm
	500W	55000lm
	600W	66000lm
	800W	88000lm
	1000W	110000lm

Kích thước	400W	L525xW320xH190mm
	500W	L600xW320xH190mm
	600W	L670xW320xH190mm
	800W	L810xW320xH190mm
	1000W	L970xW320xH200mm

Màu sắc sáng : trắng/vàng/trung tính

Nắp che quang học :kính thủy tinh

Nhiệt độ màu : 6500K/3000K/4000K

Chao đèn: nhôm

Chỉ số hoàn màu : ≥70

Kiểu lắp đặt: giá treo

Góc mở: 90°

Nhiệt độ làm việc : -30°～ 65 °

Driver : PHILIPS /DONE/LY

Tuổi thọ: 30000h-50000h

Điện áp sử dùng: 220-240Vac

Cấp bảo vệ: IP66

Thời gian bảo hành : 2-3 năm

LED FLOOD LIGHT

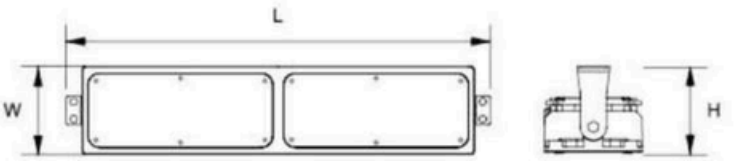












SIZE	L	W	H	POWER
A	426	150	133	40W-80W
B	728	150	133	80W-160W
C	728	300	170	240W-320W

Thông số kỹ thuật:

Công suất : 40W-320W

Tấn số: 50/60Hz

Nguồn sáng : SMD philips lumileds

Hệ số công suất : >0.95

Hiệu suất phát sáng: 120lm/w

Vật liệu: nhôm đúc áp lực cao

Quang thông	40-80W	4800-9600lm
	80-160W	9600-19200lm
	240-320W	28800-38400lm

Kích thước	A	L426xW150xH133mm
	B	L728xW150xH133mm
	C	L728xW300xH170mm

Màu sắc sáng : trắng/vàng/trung tính

Nắp che quang học :kính thủy tinh

Nhiệt độ màu : 6500K/3000K/4000K

Cấp chịu va đật: IK08

Chỉ số hoàn màu : ≥70

Kiểu lắp đặt: giá treo

Góc mở: 90°

Nhiệt độ làm việc : -30°～ 65 °

Driver : PHILIPS /INVENTRONIC/ MEANWELL/DONE/LY

Tuổi thọ: 30000h-50000h

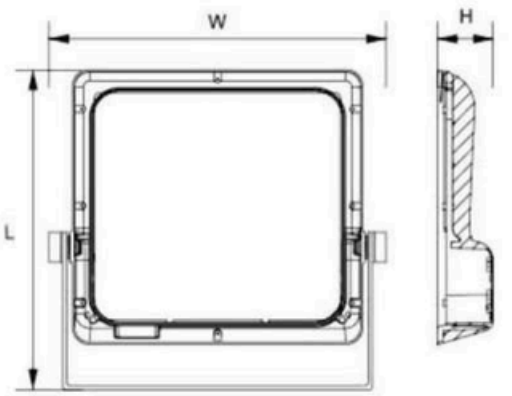
Cấp bảo vệ: IP66

Điện áp sử dùng: 220-240Vac

Thời gian bảo hành : 3-5 năm

LED FLOOD LIGHT





SIZE	L	W	H	POWER
A	360	341	70	100W
B	390	376	70	200W
C	595	422	70	400W

Thông số kỹ thuật:

Công suất : 100W-400W

Tấn số: 50/60Hz

Nguồn sáng : SMD philips lumileds

Hệ số công suất : >0.95

Hiệu suất phát sáng: 120lm/w

Vật liệu: nhôm đúc áp lực cao

Quang thông	100W	12000lm
	200W	24000lm
	400W	48000lm

Kích thước	A	L360xW341xH70mm
	B	L390xW376xH70mm
	C	L595xW422xH70mm

Màu sắc sáng : trắng/vàng/trung tính

Nắp che quang học :kính thủy tinh

Nhiệt độ màu : 6500K/3000K/4000K

Cấp chịu va đật: IK08

Chỉ số hoàn màu : ≥70

Kiểu lắp đặt: giá treo

Góc mở: 90°

Nhiệt độ làm việc : -30°～ 65 °

Driver : PHILIPS / INVENTRONIC/ MEANWELL/DONE/LY

Tuổi thọ: 30000h-50000h

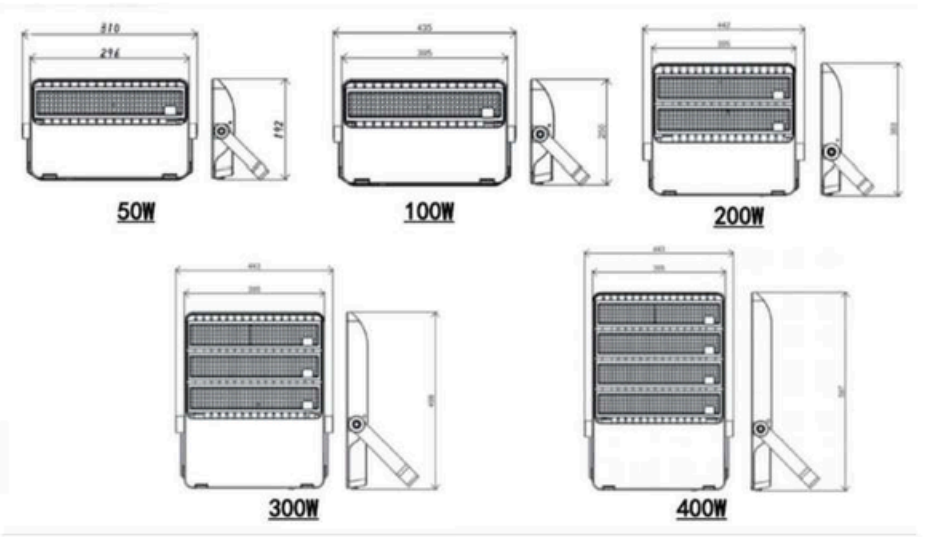
Cấp bảo vệ:IP66

Điện áp sử dùng: 220-240Vac

Thời gian bảo hành : 3-5 năm

LED FLOOD LIGHT





Thông số kỹ thuật:

Công suất : 50W-400W

Tấn số: 50/60Hz

Nguồn sáng : SMD philips lumileds

Hệ số công suất : >0.95

Hiệu suất phát sáng: 120lm/w

Vật liệu: nhôm đúc áp lực cao

Quang thông	50W	6000lm
	100W	12000lm
	200W	24000lm
	300W	30000lm
	400W	40000lm

Kích thước	50W	L310xW192xH45mm
	100W	L395xW248xH58mm
	200W	L395xW360xH58mm
	300W	L495xW395xH58mm
	400W	L585xW395xH60mm

Màu sắc sáng : trắng/vàng/trung tính

Nắp che quang học :nhựa Polyamind

Nhiệt độ màu : 6500K/3000K/4000K

Màu : ghi xám

Chỉ số hoàn màu : ≥70

Kiểu lắp đặt: giá treo

Góc mở: 60/ 90°

Nhiệt độ làm việc : -30°～ 65 °

Driver : PHILIPS / INVENTRONIC/ MEANWELL/DONE/LY

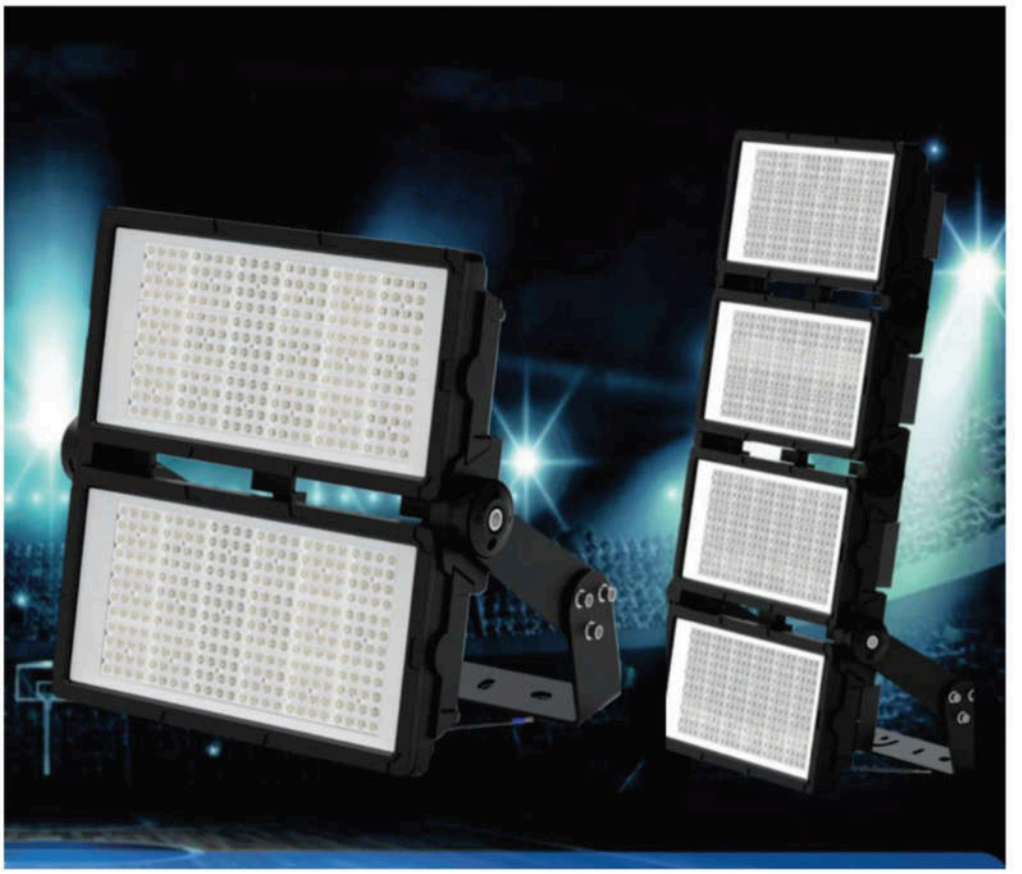
Tuổi thọ: 30000h-50000h

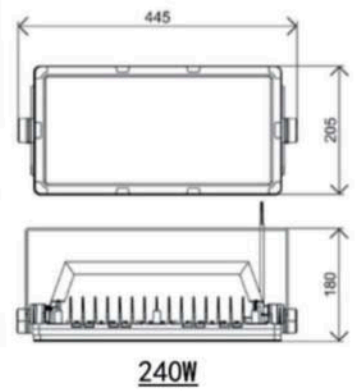
Cấp bảo vệ :IP65

Điện áp sử dùng: 220-240Vac

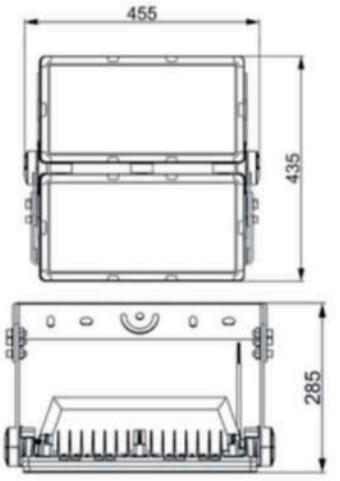
Thời gian bảo hành : 2-3 năm

LED FLOOD LIGHT

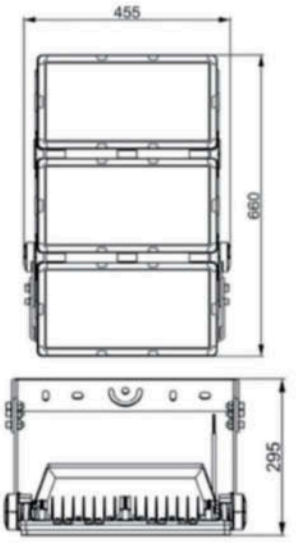




240W



480W



720W

Thông số kỹ thuật:

Công suất : 240W-960W

Tấn số: 50/60Hz

Nguồn sáng : SMD philips lumileds

Hệ số công suất : >0.95

Hiệu suất phát sáng: 125lm/w

Vật liệu: nhôm đúc áp lực cao

Quang thông	240W	30000lm
	480W	60000lm
	720W	90000lm
	960W	120000lm

Kích thước	A	L445xW205xH180mm
	B	L445xW435xH285mm
	C	L455xW660xH285mm
	D	L455xW890xH295mm

Màu sắc sáng : trắng/vàng/trung tính

Nắp che quang học :kính thủy tinh

Nhiệt độ màu : 6500K/3000K/4000K

Màu vỏ : đen

Chỉ số hoàn màu : ≥70

Kiểu lắp đặt: giá treo

Góc mở: 25/55/ 90°

Nhiệt độ làm việc : -30°～ 65 °

Driver : PHILIPS/INVENTRONIC/

MEANWELL/DONE/LY

Tuổi thọ: 30000h-50000h

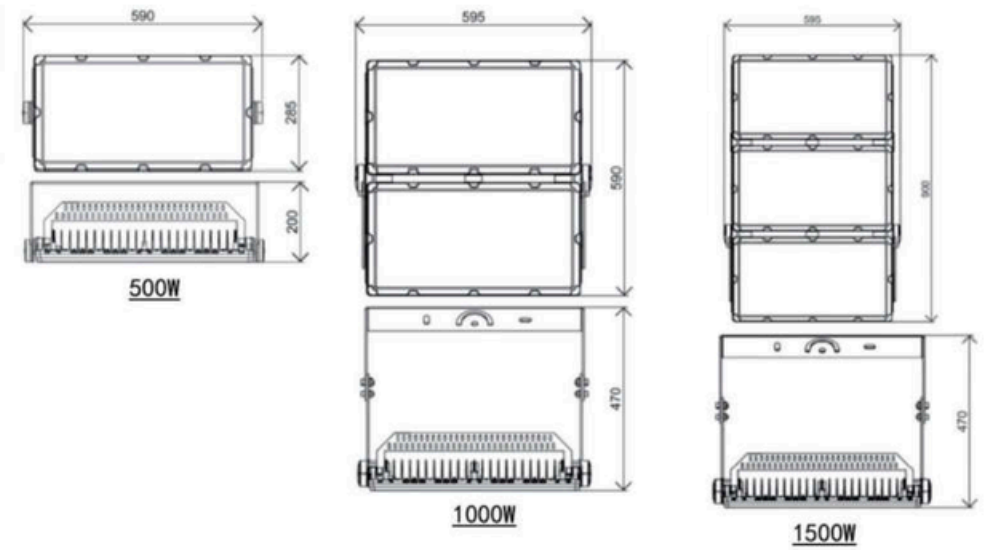
Cấp bảo vệ:IP65

Điện áp sử dùng: 220-240Vac

Thời gian bảo hành : 3-5 năm

LED FLOOD LIGHT- HIGH POWER





Thông số kỹ thuật:

Công suất : 500W-2000W

Tấn số: 50/60Hz

Nguồn sáng : SMD philips lumileds

Hệ số công suất : >0.95

Hiệu suất phát sáng: 125lm/w

Vật liệu: nhôm đúc áp lực cao

Quang thông	500W	62500lm
	1000W	125000lm
	1500W	187500lm
	2000W	250000lm

Kích thước	A	L590xW285xH200mm
	B	L595xW590xH465mm
	C	L595xW900xH470mm
	D	L595xW1200xH470mm

Màu sắc sáng : trắng/vàng/trung tính

Nắp che quang học :kính thủy tinh

Nhiệt độ màu : 6500K/3000K/4000K

Màu vỏ : đen

Chỉ số hoàn màu : ≥70

Kiểu lắp đặt: giá treo

Góc mở: 25/55/ 90°

Nhiệt độ làm việc : -30°～ 65 °

Driver : PHILIPS /INVENTRONIC/

Tuổi thọ: 30000h-50000h

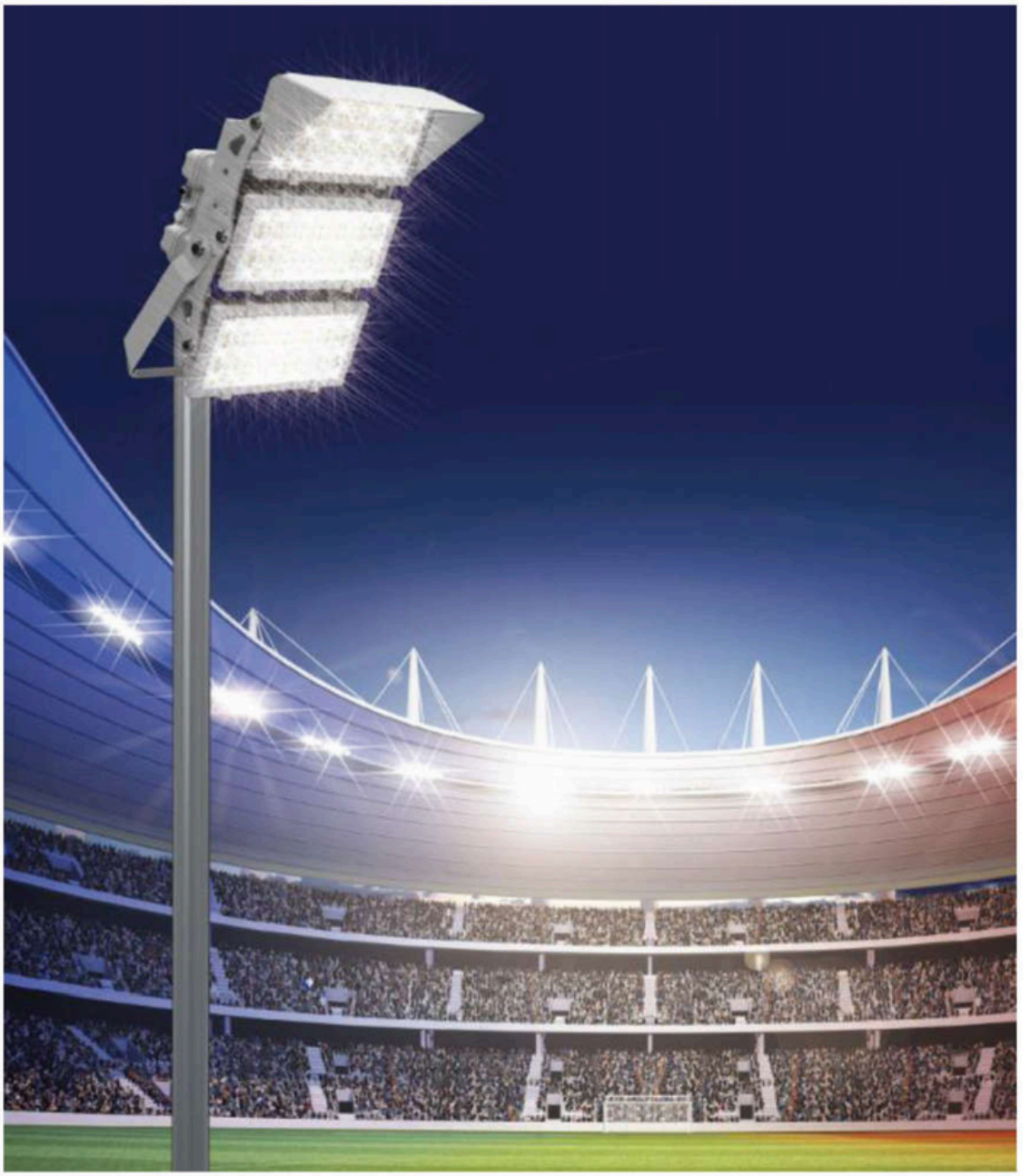
MEANWELL//DONE/LY

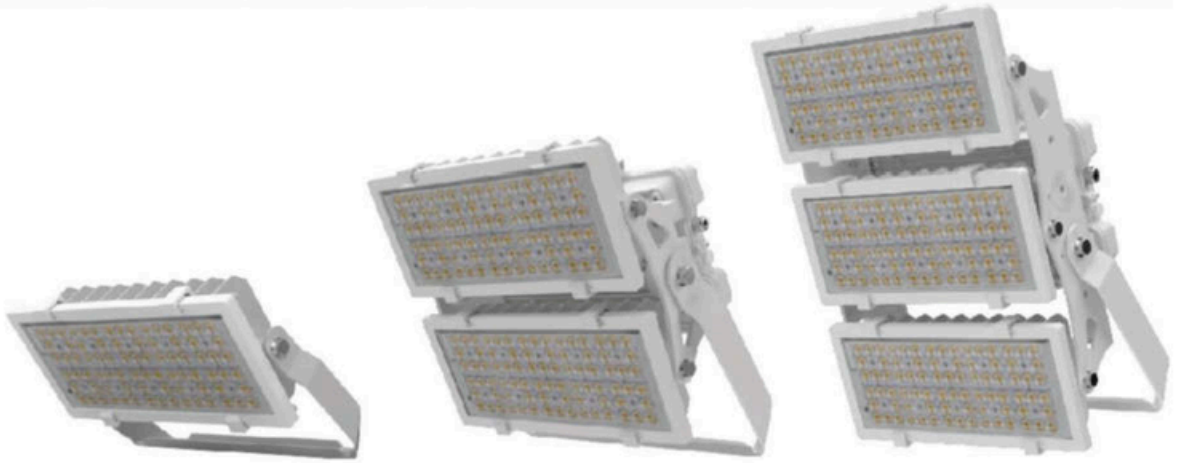
Cấp bảo vệ:IP66

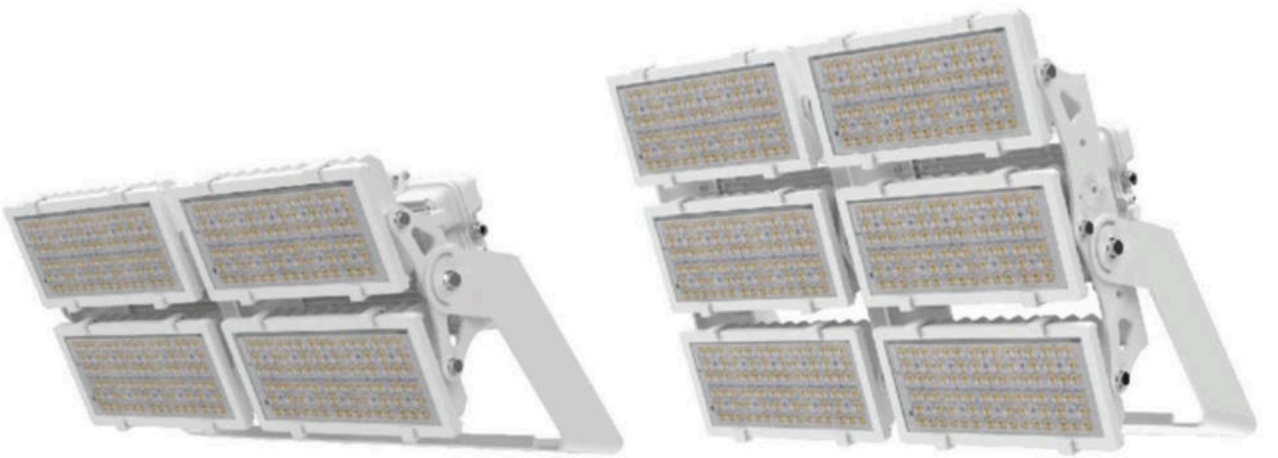
Điện áp sử dùng: 220-240Vac

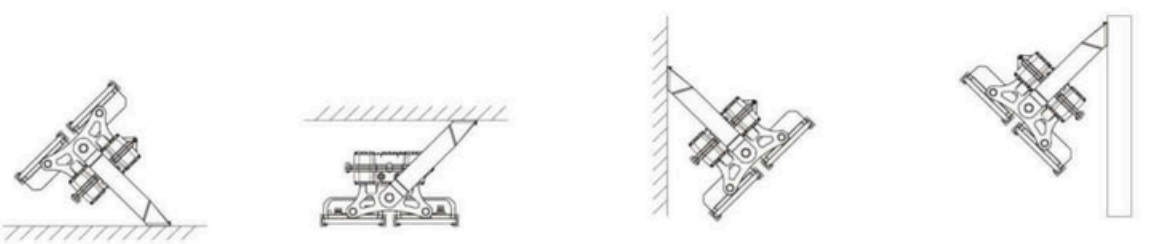
Thời gian bảo hành : 3-5 năm

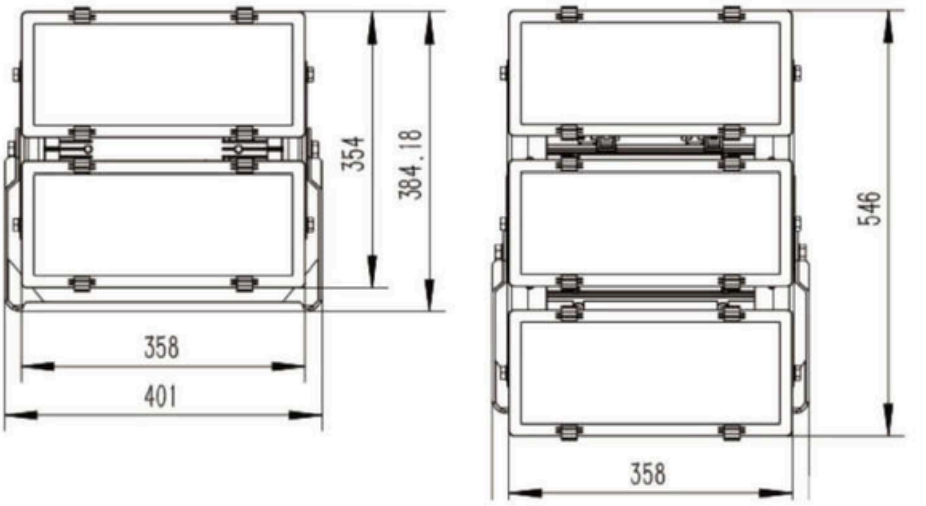
LED FLOOD LIGHT- HIGH POWER

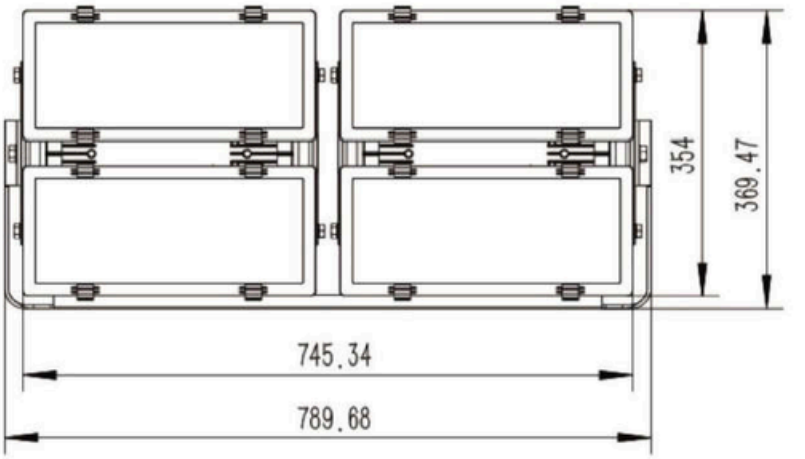


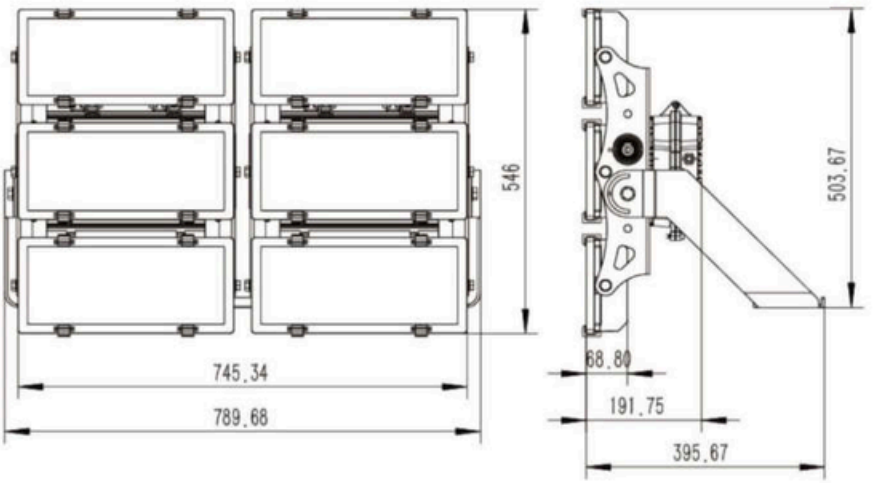







354
384.18
358
401
546
358


354
369.47
745.34
789.68


546
745.34
789.68
503.67
68.80
191.75
395.67

Thông số kỹ thuật:

Công suất : 200W-1200W

Tấn số: 50/60Hz

Nguồn sáng : SMD philips lumileds

Hệ số công suất : >0.95

Hiệu suất phát sáng: 140lm/w

Vật liệu: nhôm đúc áp lực cao

Quang thông	400W	56000lm
	600W	84000lm
	800W	112000lm
	1200W	168000lm

Kích thước	A	L401xW384xH191mm
	B	L401xW546xH191mm
	C	L790xW370xH191mm
	D	L790xW546xH191mm

Màu sắc sáng : trắng/vàng/trung tính

Nắp che quang học :kính thủy tinh

Nhiệt độ màu : 6500K/3000K/4000K

Màu vỏ : ghi xám

Chỉ số hoàn màu : ≥70

Kiểu lắp đặt: giá treo

Góc mở: 10/15/20/30/40/50/60/90/° 97x47°/30x70°

Nhiệt độ làm việc : -30°～ 65 °
Cấp bảo vệ:IP66

Driver : PHILIPS /MEANWELL /INVENTRONIC

Tuổi thọ: 30000h-50000h

Điện áp sử dùng: 220-240Vac

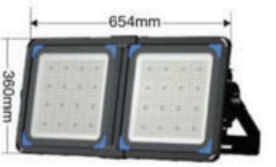
Thời gian bảo hành : 3-5 năm

LED FLOOD LIGHT- HIGH POWER

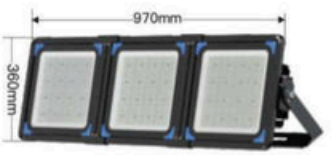




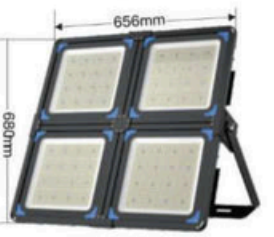
240W



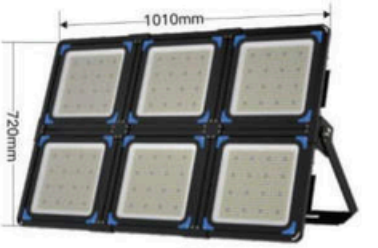
480W



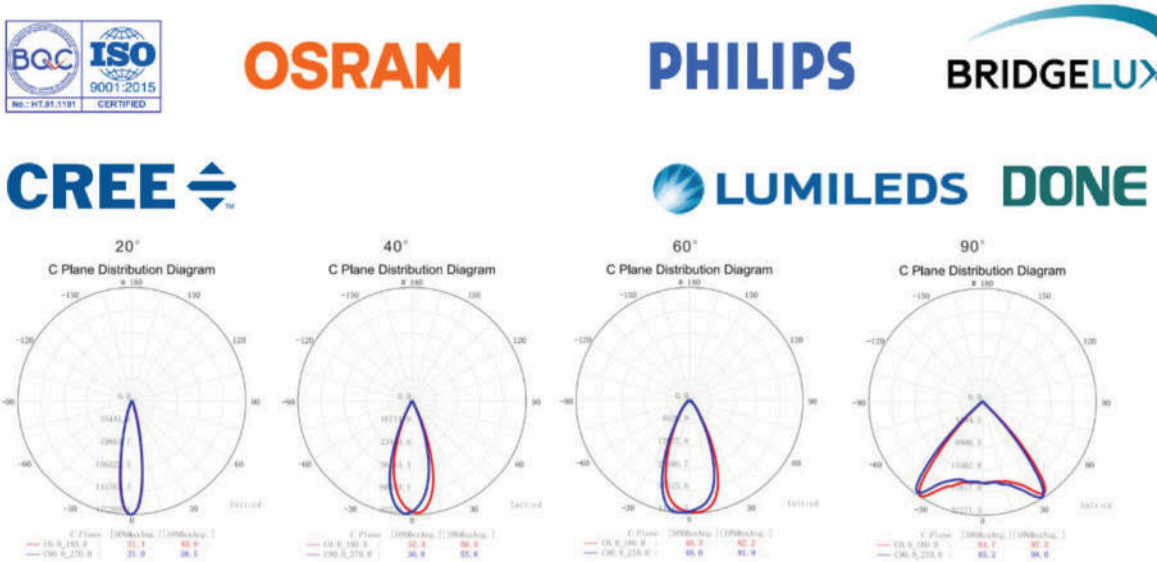
720W



960WW



1440W



Thông số kỹ thuật:

Công suất : 240W-1440W

Tấn số: 50/60Hz

Nguồn sáng : SMD philips lumileds

Hệ số công suất : >0.95

Hiệu suất phát sáng: 140lm/w

Vật liệu: nhôm đúc áp lực cao

Quang thông	240W	33600lm
	480W	67200lm
	720W	100800lm
	960W	134400lm
	1440W	201600lm

Kích thước	A	L336xW350xH97mm
	B	L654xW360xH100mm
	C	L970xW360xH100mm
	D	L656xW680xH100mm
	E	L972xW680xH100mm

Màu sắc sáng : trắng/vàng/trung tính

Nắp che quang học :kính thủy tinh

Nhiệt độ màu : 6500K/3000K/4000K

Màu vỏ : đen

Chỉ số hoàn màu : ≥70

Kiểu lắp đặt: giá treo

Góc mở: 20/40/60/90°

Nhiệt độ làm việc : -30°～ 65 °

Driver : PHILIPS /MEANWELL INVENTRONIC

Tuổi thọ: 30000h-50000h

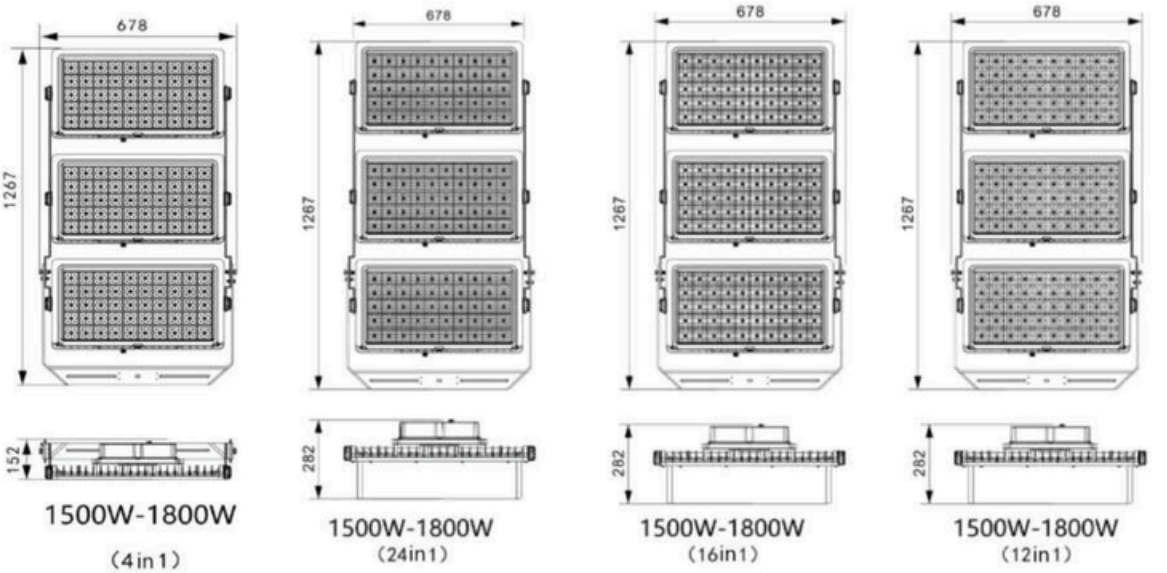
Cấp bảo vệ:IP66

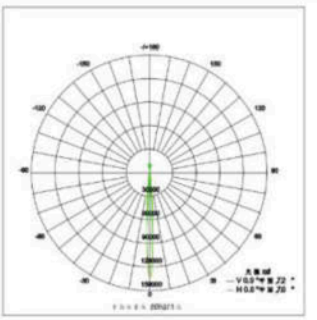
Điện áp sử dùng: 220-240Vac

Thời gian bảo hành : 3-5 năm

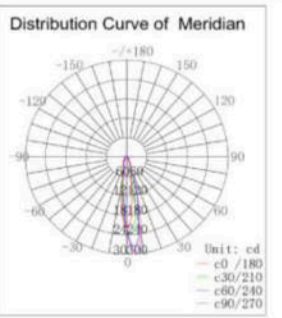
LED FLOOD LIGHT- HIGH POWER



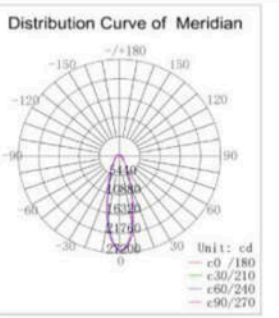




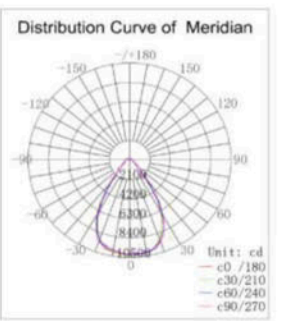
7°



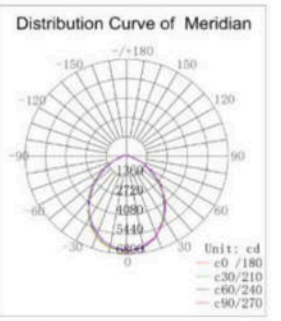
15°



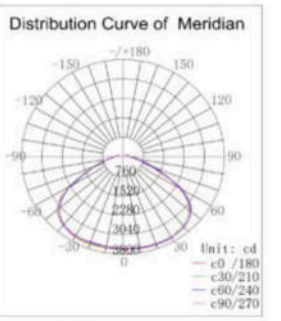
30°



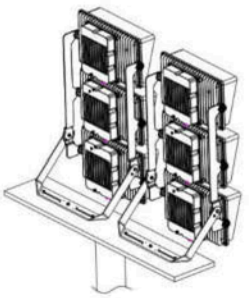
60°

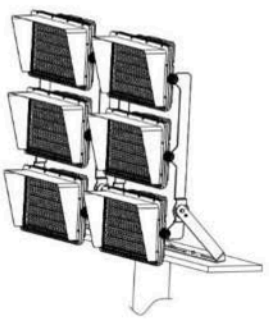


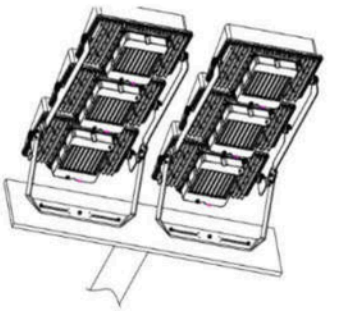
90°



120°







Thông số kỹ thuật:

Công suất : 1500W-1800W

Tấn số: 50/60Hz

Nguồn sáng : SMD philips lumileds

Hệ số công suất : >0.95

Hiệu suất phát sáng: 110-160lm/w

Vật liệu: nhôm đúc áp lực cao

Quang thông	1500W	2400000lm
	1800W	288000lm

Kích thước	A	L1267xW678xH152mm
	B	L1267xW678xH152mm

Màu sắc sáng : trắng/vàng/trung tính

Nắp che quang học :kính thủy tinh

Nhiệt độ màu : 6500K/3000K/4000K

Màu vỏ : đen/xám

Chỉ số hoàn màu : ≥70

Kiểu lắp đặt: giá treo

Góc mở: 7/15/30/60/90/120/

T2M/T3M/T4M°

Nhiệt độ làm việc : -30°～ 65 °

Cấp bảo vệ:IP66

Driver : PHILIPS /DONE/LY

Tuổi thọ: 30000h-50000h

Điện áp sử dùng: 220-240Vac

Thời gian bảo hành : 3-5 năm

LED STREE LIGHT





BQC ISO 9001:2015 CERTIFIED OSRAM PHILIPS BRIDGELUX CREE LUMILEDS DONE

Thông số kỹ thuật:

Công suất : 50W-250W

Tấn số: 50/60Hz

Nguồn sáng : SMD philips lumileds

Hệ số công suất : >0.95

Hiệu suất phát sáng: 110lm/w

Vật liệu: nhôm đúc áp lực cao

Quang thông	50W	5500lm
	100W	11000lm
	150W	16500lm
	200W	22000lm
	250W	27500lm

Kích thước	50W	L500xW220xH70mm
	100W	L720xW280 xH80mm
	150W	L860xW300xH90mm
	200W	L960xW310xH90mm
	250W	L1100xW340XH90mm

Màu sắc sáng : trắng/vàng/trung tính

Nắp che quang học :kính thủy tinh

Nhiệt độ màu : 6500K/3000K/4000K

Cấp bảo vệ:IP66

Chỉ số hoàn màu : ≥80

Trụ phi lắp đặt : Ø60

Góc mở: 120°

Nhiệt độ làm việc : -30°～ 65 °

Driver : PHILIPS /MEANWELL/ INVENTRONIC/DONE/LY

Tuổi thọ: 30000h-50000h

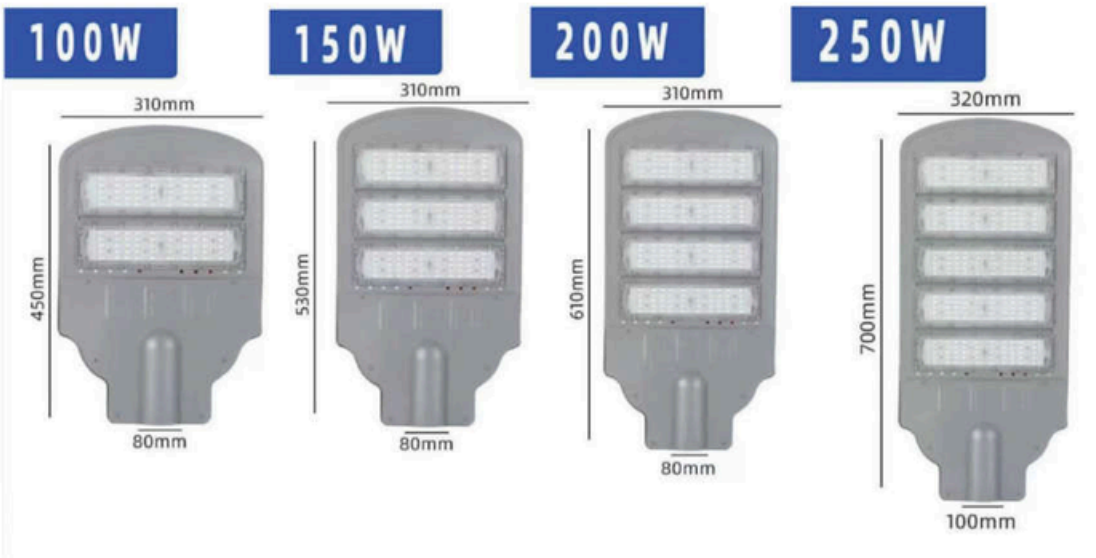
Chống sét :10KV/20KV/30KV

Điện áp sử dùng: 220-240Vac

Thời gian bảo hành : 2-5 năm

LED STREE LIGHT





Thông số kỹ thuật:

Công suất : 100W-250W

Tấn số: 50/60Hz

Nguồn sáng : SMD philips lumileds

Hệ số công suất : >0.95

Hiệu suất phát sáng: 150lm/w

Vật liệu: nhôm đúc áp lực cao

Quang thông	100W	15000lm
	150W	22500lm
	200W	30000lm
	250W	37500lm

Kích thước	100W	L450xW310 xH80mm
	150W	L530xW310 xH80mm
	200W	L610xW310 xH80mm
	250W	L700xW320 xH80mm

Màu sắc sáng : trắng/vàng/trung tính

Nắp che quang học : nhựa Polyamind

Nhiệt độ màu : 6500K/3000K/4000K

Cấp bảo vệ:IP66

Chỉ số hoàn màu : ≥70

Trụ phi lắp đặt : Ø60

Góc mở: 120°

Nhiệt độ làm việc : -30°～ 65 °

Driver : PHILIPS /DONE/LY

Tuổi thọ: 30000h-50000h

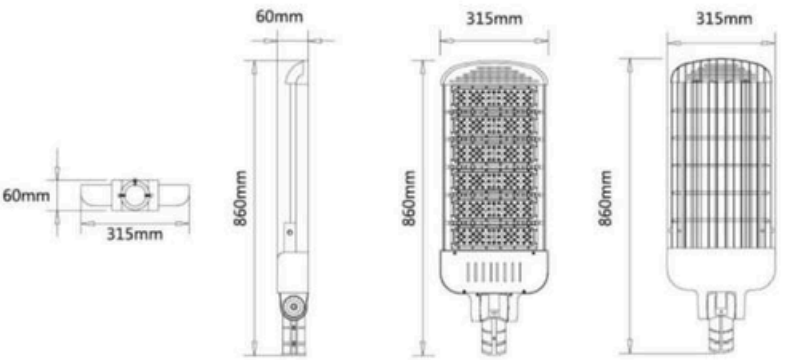
Điện áp sử dùng: 220-240Vac

Chống sét :10KV/20KV/30KV

Thời gian bảo hành : 2-5 năm

LED STREE LIGHT





MÀU VỎ:



Số module	1 module	2 module	3 module	4 module	5 module	6 module
KT (mm)	460×315×90	540×315×90	620×315×90	700×315×90	780×315×90	860×315×90

Thông số kỹ thuật:

Công suất : 100W-300W

Tấn số: 50/60Hz

Nguồn sáng : SMD philips lumileds

Hệ số công suất : >0.95

Hiệu suất phát sáng: 120lm/w

Vật liệu: hợp kim nhôm

Quang thông	50W	6000lm
	100W	12000lm
	150W	18000lm
	200W	24000lm
	250W	30000lm
	300W	36000lm

Kích thước	50W	L460xW315 xH90mm
	100W	L540xW315 xH90mm
	150W	L620xW315 xH90mm
	200W	L700xW315 xH90mm
	250W	L780xW315 xH90mm
	300W	L860xW315 xH90mm

Màu sắc sáng : trắng/vàng/trung tính

Nắp che quang học : nhựa Polyamind

Nhiệt độ màu : 6500K/3000K/4000K

Cấp bảo vệ:IP66

Chỉ số hoàn màu : ≥70

Trụ phi lắp đặt : Ø60

Góc mở: 120°

Nhiệt độ làm việc : -30°～ 65 °

Driver : PHILIPS /DONE/LY

Tuổi thọ: 30000h-50000h

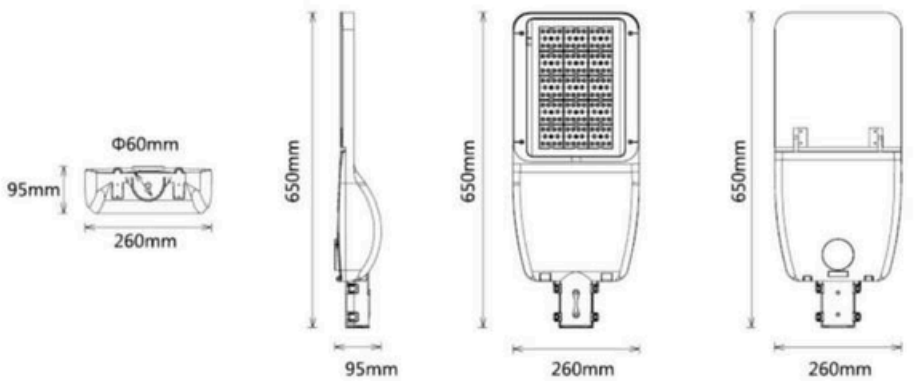
Điện áp sử dùng: 220-240Vac

Chống sét :10KV/20KV/30KV

Thời gian bảo hành : 2-5 năm

LED STREE LIGHT





Công suất	40W	60W	100W	150W	200W
KT (mm)	330×150×65	375×150×65	525×180×65	650×260×95	700×260×95

Thông số kỹ thuật:

Công suất : 40W-200W

Tấn số: 50/60Hz

Nguồn sáng : SMD philips lumileds

Hệ số công suất : >0.95

Hiệu suất phát sáng: 120lm/w

Vật liệu: nhôm đúc áp lực cao

Quang thông	40W	4800lm
	60W	7200lm
	100W	12000lm
	150W	28000lm
	200W	24000lm

Kích thước	40W	L330xW150 xH65mm
	60W	L375xW150 xH65mm
	100W	L525xW180 xH85mm
	150W	L650xW260 xH95mm
	200W	L700xW260 xH95mm

Màu sắc sáng : trắng/vàng/trung tính

Nắp che quang học : nhựa Polyamind

Nhiệt độ màu : 6500K/3000K/4000K

Cấp bảo vệ:IP66

Chỉ số hoàn màu : ≥70

Trụ phi lắp đặt : Ø60

Góc mở: 120°

Nhiệt độ làm việc : -30°～ 65 °

Driver : PHILIPS /MEANWELL/ SOSEN/INVENTRONIC/ DONE/LY

Tuổi thọ: 30000h-50000h

Độ chịu va đật: IK08

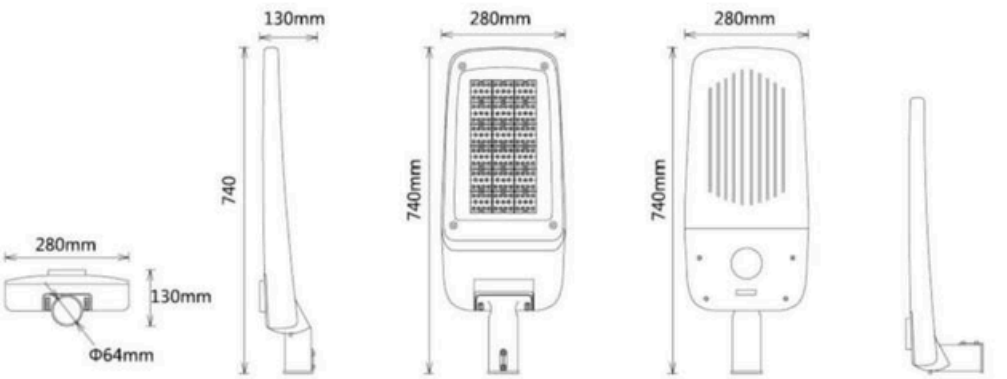
Điện áp sử dùng: 220-240Vac

Chống sét :10KV/20KV/30KV

Thời gian bảo hành : 2-5 năm

LED STREE LIGHT





Công suất	40W	60W	100W	150W	200W
KT (mm)	420×180×100	470×180×100	560×240×115	690×280×130	740×280×130

Thông số kỹ thuật:

Công suất : 40W-200W

Tấn số: 50/60Hz

Nguồn sáng : SMD philips lumileds

Hệ số công suất : >0.95

Hiệu suất phát sáng: 120lm/w

Vật liệu: nhôm đúc áp lực cao

Quang thông	40W	4800lm
	60W	7200lm
	100W	12000lm
	150W	28000lm
	200W	24000lm

Kích thước	40W	L420xW180 xH100mm
	60W	L470xW180 xH100mm
	100W	L560xW240 xH115mm
	150W	L690xW280 xH130mm
	200W	L740xW280 xH130mm

Màu sắc sáng : trắng/vàng/trung tính

Nắp che quang học : kính thủy tinh

Nhiệt độ màu : 6500K/3000K/4000K

Cấp bảo vệ:IP66

Chỉ số hoàn màu : ≥70

Trụ phi lắp đặt : Ø60

Góc mở: 120°

Nhiệt độ làm việc : -30°～ 65 °

Driver : PHILIPS /MEANWELL/

SOSEN/INVENTRONIC/ DONE/LY

Tuổi thọ: 30000h-50000h

Độ chịu va đật: IK08

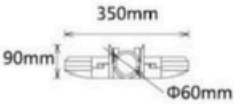
Điện áp sử dùng: 220-240Vac

Chống sét :10KV/20KV/30KV

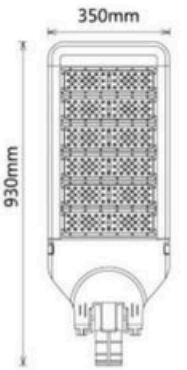
Thời gian bảo hành : 2-5 năm

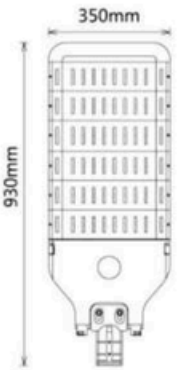
LED STREE LIGHT











Công suất	50W	100W	150W	200W	250W	300W
KT (mm)	530×350×90	610×350×90	690×350×90	770×350×90	850×350×90	930×350×90

Thông số kỹ thuật:

Công suất : 50W-300W

Tấn số: 50/60Hz

Nguồn sáng : SMD philips lumileds

Hệ số công suất : >0.95

Hiệu suất phát sáng: 120lm/w

Vật liệu: hợp kim nhôm

Quang thông	50W	6000lm
	100W	12000lm
	150W	18000lm
	200W	24000lm
	250W	30000lm
	300W	36000lm

Kích thước	50W	L530xW350 xH90mm
	100W	L610xW350 xH90mm
	150W	L690xW350 xH90mm
	200W	L770xW350 xH90mm
	250W	L850xW350 xH90mm
	300W	L930xW350 xH90mm

Màu sắc sáng : trắng/vàng/trung tính

Nắp che quang học : nhựa Polyamind

Nhiệt độ màu : 6500K/3000K/4000K

Cấp bảo vệ:IP66

Chỉ số hoàn màu : ≥70

Trụ phi lắp đặt : Ø60

Góc mở: 120°

Nhiệt độ làm việc : -30°～ 65 °

Driver : PHILIPS /MEANWELL/

SOSEN/INVENTRONIC/ DONE/LY

Tuổi thọ: 30000h-50000h

Độ chịu va đật: IK08

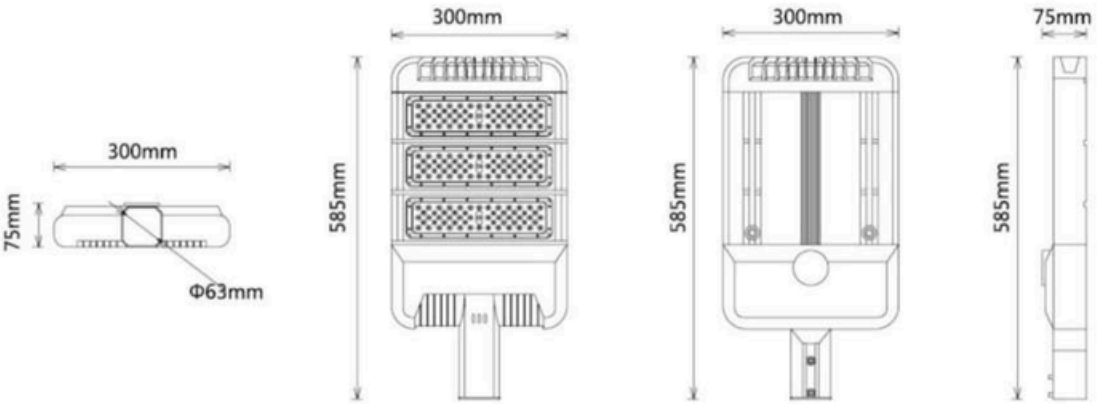
Điện áp sử dùng: 220-240Vac

Chống sét :10KV/20KV/30KV

Thời gian bảo hành : 2-5 năm

LED STREE LIGHT





Công suất	50W	100W	150W	200W	250W	300W
KT (mm)	415×300×75	500×300×75	585×300×75	670×300×75	755×300×75	840×300×75

Thông số kỹ thuật:

Công suất : 50W-300W

Tấn số: 50/60Hz

Nguồn sáng : SMD philips lumileds

Hệ số công suất : >0.95

Hiệu suất phát sáng: 120lm/w

Vật liệu: hợp kim nhôm

Quang thông	50W	6000lm
	100W	12000lm
	150W	18000lm
	200W	24000lm
	250W	30000lm
	300W	36000lm

Kích thước	50W	L415xW300 xH75mm
	100W	L500xW300 xH75mm
	150W	L585xW300 xH75mm
	200W	L670xW300 xH75mm
	250W	L755xW300 xH75mm
	300W	L840xW300 xH75mm

Màu sắc sáng : trắng/vàng/trung tính

Nắp che quang học : nhựa Polyamind

Nhiệt độ màu : 6500K/3000K/4000K

Cấp bảo vệ:IP66

Chỉ số hoàn màu : ≥70

Trụ phi lắp đặt : Ø60

Góc mở: 120°

Nhiệt độ làm việc : -30°～ 65 °

Driver : PHILIPS /MEANWELL/ SOSEN/INVENTRONIC/ DONE/LY

Tuổi thọ: 30000h-50000h

Độ chịu va đật: IK08

Điện áp sử dùng: 220-240Vac

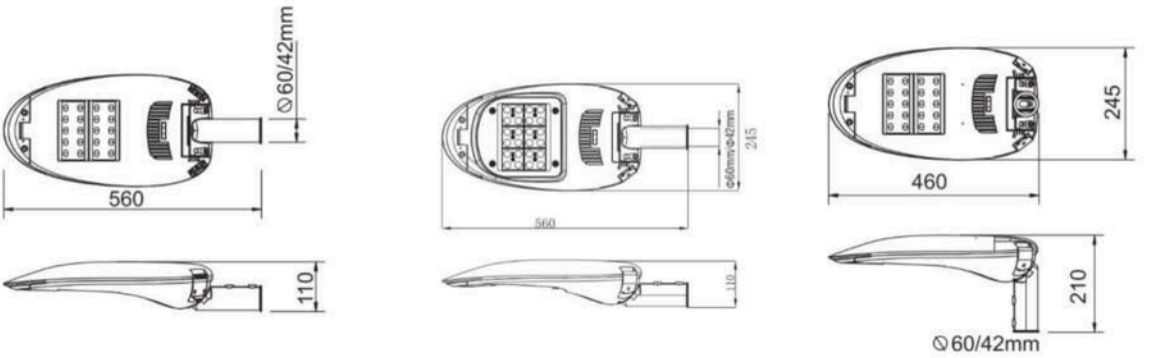
Chống sét :10KV/20KV/30KV

Thời gian bảo hành : 2-5 năm

LED STREE LIGHT







Thông số kỹ thuật:

Công suất : 30W-60W

Tấn số: 50/60Hz

Nguồn sáng : SMD philips lumileds

Hệ số công suất : >0.95

Hiệu suất phát sáng: 130lm/w

Vật liệu: nhôm đúc áp lực cao

Quang thông	30W	3900lm
	50W	6500lm
	60W	7800lm

Kích thước	30W	L560xW245 xH110mm
	50W	L560xW245 xH110mm
	60W	L560xW245 xH110mm

Màu sắc sáng : trắng/vàng/trung tính

Nắp che quang học : nhựa Polyamind

Nhiệt độ màu : 6500K/3000K/4000K

Cấp bảo vệ:IP66

Chỉ số hoàn màu : ≥70

Trụ phi lắp đặt : Ø60

Góc mở: 120°

Nhiệt độ làm việc : -30°～ 65 °

Driver : PHILIPS /MEANWELL / INVENTRONIC/SOSEN

Tuổi thọ: 30000h-50000h

Độ chịu va đật: IK08

Điện áp sử dùng: 220-240Vac

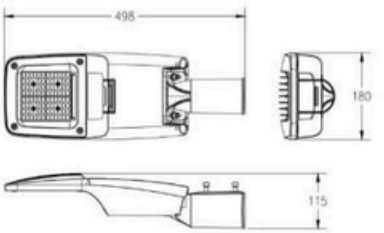
Chống sét :10KV/20KV/30KV

Thời gian bảo hành : 3-5 năm

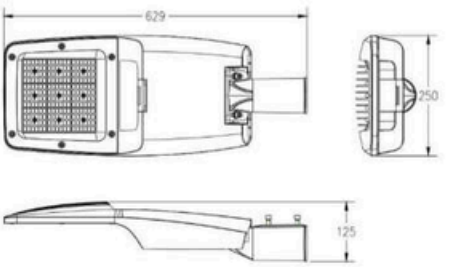
LED STREE LIGHT



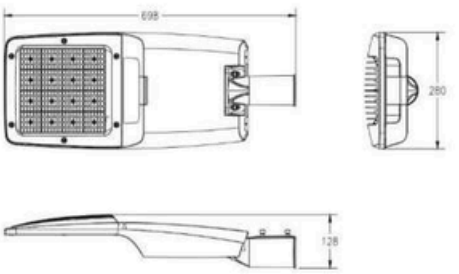




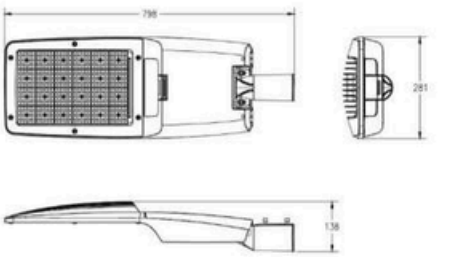
30-60W



80-120W



150-200W



240-300W

Thông số kỹ thuật:

Công suất : 30W-300W

Tấn số: 50/60Hz

Nguồn sáng : SMD philips lumileds

Hệ số công suất : >0.95

Hiệu suất phát sáng: 140lm/w

Vật liệu: nhôm đúc áp lực cao

Quang thông	30-60W	4200-5500lm
	80-120W	11200-16800lm
	150-200W	21000-28000lm
	240-300W	33600-42000lm

Kích thước	A	L498xW180xH115mm
	B	L629xW250xH125mm
	C	L698xW280xH128mm
	D	L798xW281xH138mm

Màu sắc sáng : trắng/vàng/trung tính

Nắp che quang học :kính thủy tinh

Nhiệt độ màu : 6500K/3000K/4000K

Cấp bảo vệ:IP66

Chỉ số hoàn màu : ≥70

Trụ phi lắp đặt : Ø60

Góc mở: 120°

Nhiệt độ làm việc : -30°～ 65 °

Driver : PHILIPS /MEANWELL

INVENTRONIC

Tuổi thọ: 30000h-50000h

Độ chịu va đật: IK08

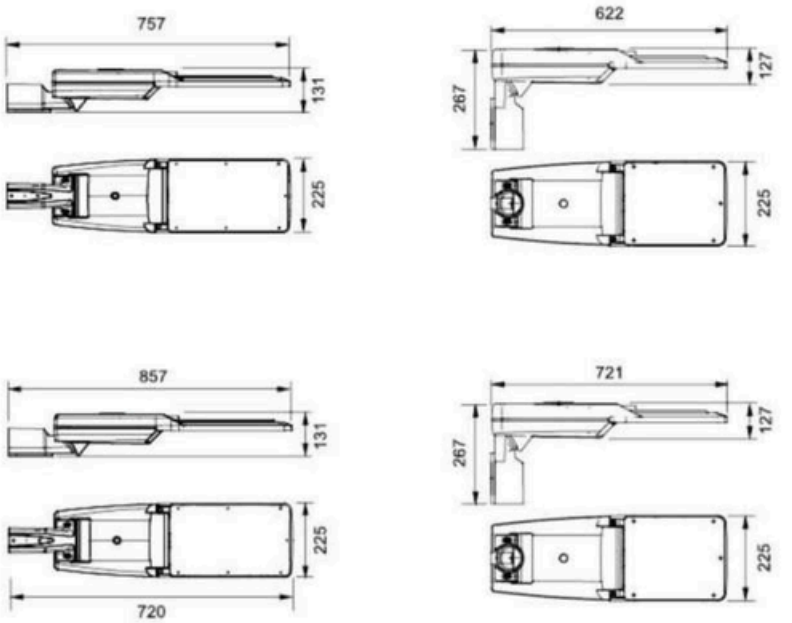
Điện áp sử dùng: 220-240Vac

Chống sét :10KV/20KV/30KV

Thời gian bảo hành : 2-5 năm

LED STREE LIGHT





Thông số kỹ thuật:

Công suất : 60W-200W

Tấn số: 50/60Hz

Nguồn sáng : SMD philips lumileds

Hệ số công suất : >0.95

Hiệu suất phát sáng: 120lm/w

Vật liệu: nhôm đúc áp lực cao

Quang thông	60-120W	7200-14400lm
	150-200W	18000-24000lm

Kích thước	A	L757xW225 xH131mm
	B	L857xW225xH131mm

Màu sắc sáng : trắng/vàng/trung tính

Nắp che quang học :kính thủy tinh

Nhiệt độ màu : 6500K/3000K/4000K

Cấp bảo vệ :IP66

Chỉ số hoàn màu : ≥70

Trụ phi lắp đặt : Ø60

Góc mở: 120°

Nhiệt độ làm việc : -30°~ 65 °

Driver : PHILIPS /MEANWELL/ INVENTRONIC/DONE/LY

Tuổi thọ: 30000h-50000h

Độ chịu va đật: IK08

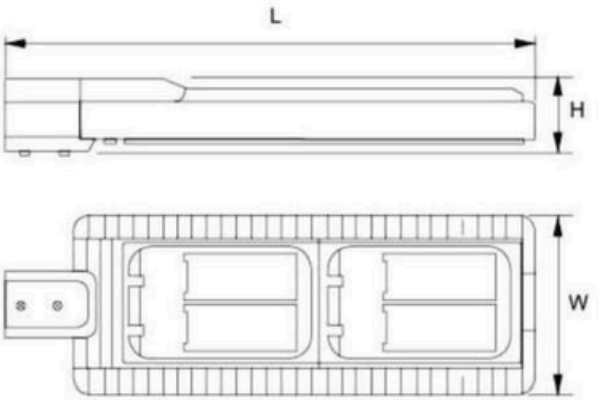
Điện áp sử dùng: 220-240Vac

Chống sét :10KV/20KV/30KV

Thời gian bảo hành : 2-5 năm

LED STREE LIGHT





SIZE	L	W	H	POWER
A	492	210	86	60W-90W
B	492	295	86	100W-150W
C	870	295	86	180W-300W

Thông số kỹ thuật:

Công suất : 60W-300W

Tấn số: 50/60Hz

Nguồn sáng : SMD philips lumileds

Hệ số công suất : >0.95

Hiệu suất phát sáng: 120lm/w

Vật liệu: nhôm đúc áp lực cao

Quang thông	60-90W	7200-10800lm
	100-150W	12000-19500lm
	180-300W	23400-3000lm

Kích thước	A	L492xW210xH86mm
	B	L492xW295xH86mm
	C	L870xW295xH86mm

Màu sắc sáng : trắng/vàng/trung tính

Nắp che quang học :nhựa Polyamind

Nhiệt độ màu : 6500K/3000K/4000K

Cấp bảo vệ :IP66

Chỉ số hoàn màu : ≥70

Trụ phi lắp đặt : Ø60

Góc mở: 120°

Nhiệt độ làm việc : -30°～ 65 °

Driver : PHILIPS /MEANWELL/ INVENTRONIC/DONE/LY

Tuổi thọ: 30000h-50000h

Độ chịu va đật: IK08

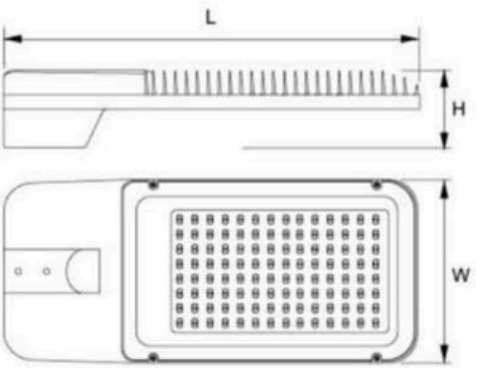
Điện áp sử dùng: 220-240Vac

Chống sét :10KV/20KV/30KV

Thời gian bảo hành : 2-5 năm

LED STREE LIGHT





SIZE	L	W	H	POWER
A	422	320	140	30W-100W
B	522	320	140	100W-150W
C	600	320	140	150W-180W
D	700	320	140	180W-240W
E	853	320	140	240W-400W

Thông số kỹ thuật:

Công suất : 30W-300W

Tấn số: 50/60Hz

Nguồn sáng : SMD philips lumileds

Hệ số công suất : >0.95

Hiệu suất phát sáng: 140lm/w

Vật liệu: nhôm đúc áp lực cao

Quang thông	30-60W	4200-5500lm
	80-120W	11200-16800lm
	150-200W	21000-28000lm
	240-300W	33600-42000lm

Kích thước	A	L498xW180xH115mm
	B	L629xW250xH125mm
	C	L698xW280xH128mm
	D	L798xW281xH138mm

Màu sắc sáng : trắng/vàng/trung tính

Nắp che quang học :kính thủy tinh

Nhiệt độ màu : 6500K/3000K/4000K

Cấp bảo vệ :IP66

Chỉ số hoàn màu : ≥70

Trụ phi lắp đặt : Ø60

Góc mở: 120°

Nhiệt độ làm việc : -30°～ 65 °

Driver : PHILIPS /MEANWELL

Tuổi thọ: 30000h-50000h

INVENTRONIC/DONE/LY

Độ chịu va đật: IK08

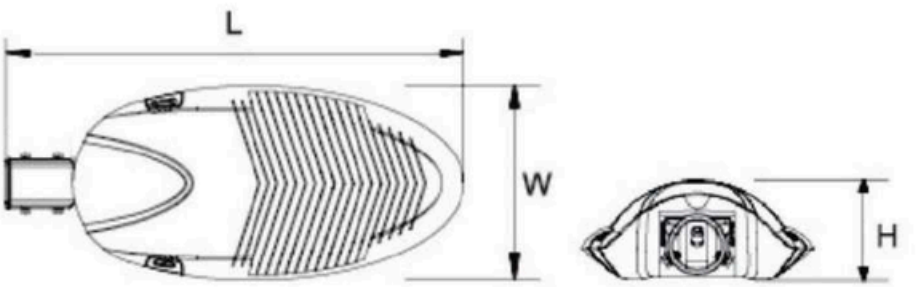
Điện áp sử dùng: 220-240Vac

Chống sét :10KV/20KV/30KV

Thời gian bảo hành : 2-5 năm

LED STREE LIGHT





L	W	H
775	305	134
830	385	165

Thông số kỹ thuật:

Công suất : 60W-200W

Tấn số: 50/60Hz

Nguồn sáng : SMD philips lumileds

Hệ số công suất : >0.95

Hiệu suất phát sáng: 130lm/w

Vật liệu: nhôm đúc áp lực cao

Quang thông	60-150W	7800-19500lm
	180-240W	23400-31200lm

Kích thước	A	L775xW305 xH134mm
	B	L830xW385xH165mm

Màu sắc sáng : trắng/vàng/trung tính

Nắp che quang học :kính thủy tinh

Nhiệt độ màu : 6500K/3000K/4000K

Cấp bảo vệ :IP66

Chỉ số hoàn màu : ≥70

Trụ phi lắp đặt : Ø60

Góc mở: 120°

Nhiệt độ làm việc : -30°～ 65 °

Driver : PHILIPS /MEANWELL

Tuổi thọ: 30000h-50000h

INVENTRONIC/DONE/LY

Độ chịu va đật: IK08

Điện áp sử dùng: 220-240Vac

Chống sét :10KV/20KV/30KV

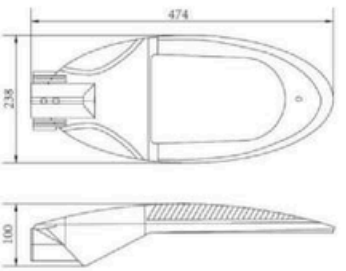
Thời gian bảo hành : 2-5 năm

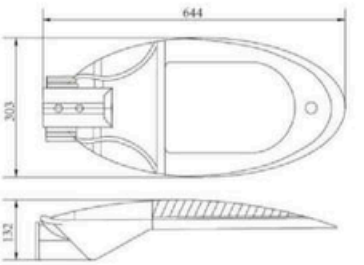
LED STREE LIGHT

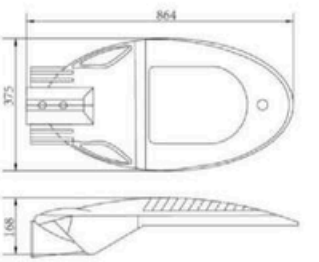












Thông số kỹ thuật:

Công suất : 20W-180W

Tấn số: 50/60Hz

Nguồn sáng : SMD philips lumileds

Hệ số công suất : >0.95

Hiệu suất phát sáng: 120lm/w

Vật liệu: nhôm đúc áp lực cao

Quang thông	20-60W	2400-7200lm
	60-90W	7200-10800lm
	120-180W	14400-21600lm

Kích thước	A	L474xW238xH100mm
	B	L644xW303xH132mm
	C	L864xW375xH168mm

Màu sắc sáng : trắng/vàng/trung tính

Nắp che quang học :kính thủy tinh

Nhiệt độ màu : 6500K/3000K/4000K

Cấp bảo vệ :IP66

Chỉ số hoàn màu : ≥70

Trụ phi lắp đặt : Ø60

Góc mở: 120°

Nhiệt độ làm việc : -30°～ 65 °

Driver : PHILIPS /MEANWELL/ INVENTRONIC/DONE/LY

Tuổi thọ: 30000h-50000h

Độ chịu va đật: IK08

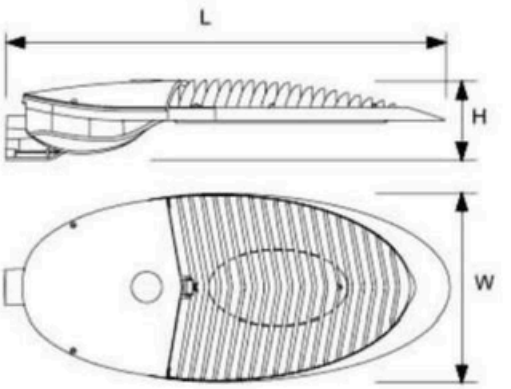
Điện áp sử dùng: 220-240Vac

Chống sét :10KV/20KV/30KV

Thời gian bảo hành : 2-5 năm

LED STREE LIGHT





SIZE	L	W	H	POWER
A	750	311	127	60W-100W
B	950	400	145	120W-180W

Thông số kỹ thuật:

Công suất : 20W-180W

Tấn số: 50/60Hz

Nguồn sáng : SMD philips lumileds

Hệ số công suất : >0.95

Hiệu suất phát sáng: 120lm/w

Vật liệu: nhôm đúc áp lực cao

Quang thông	60-100W	7200-12000lm
	120-180W	14400-21600lm

Kích thước	B	L750xW311xH127mm
	C	L950xW400xH145mm

Màu sắc sáng : trắng/vàng/trung tính

Nắp che quang học :kính thủy tinh

Nhiệt độ màu : 6500K/3000K/4000K

Cấp bảo vệ :IP66

Chỉ số hoàn màu : ≥70

Trụ phi lắp đặt : Ø60

Góc mở: 120°

Nhiệt độ làm việc : -30°～ 65 °

Driver : PHILIPS /MEANWELL/ INVENTRONIC/DONE/LY

Tuổi thọ: 30000h-50000h

Độ chịu va đật: IK08

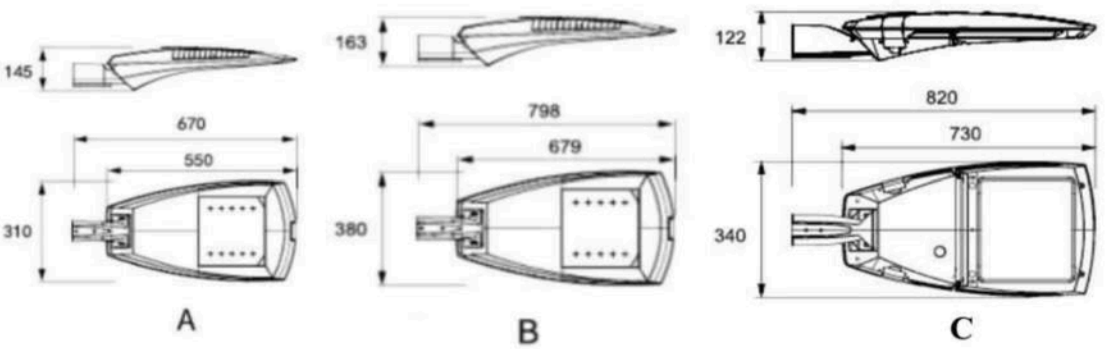
Điện áp sử dùng: 220-240Vac

Chống sét :10KV/20KV/30KV

Thời gian bảo hành : 2-5 năm

LED STREE LIGHT





Thông số kỹ thuật:

Công suất : 80W-180W

Tấn số: 50/60Hz

Nguồn sáng : SMD philips lumileds

Hệ số công suất : >0.95

Hiệu suất phát sáng: 120lm/w

Vật liệu: nhôm đúc áp lực cao

Quang thông	80W	9600lm
	100-120W	12000-14400lm
	150-180W	18000-21600lm

Kích thước	A	L670xW310xH145mm
	B	L798xW380xH163mm
	C	L820xW340xH122mm

Màu sắc sáng : trắng/vàng/trung tính

Nắp che quang học :kính thủy tinh

Nhiệt độ màu : 6500K/3000K/4000K

Cấp bảo vệ :IP66

Chỉ số hoàn màu : ≥70

Trụ phi lắp đặt : Ø60

Góc mở: 120°

Nhiệt độ làm việc : -30°～ 65 °

Driver : PHILIPS /MEANWELL/ INVENTRONIC/DONE/LY

Tuổi thọ: 30000h-50000h

Độ chịu va đật: IK08

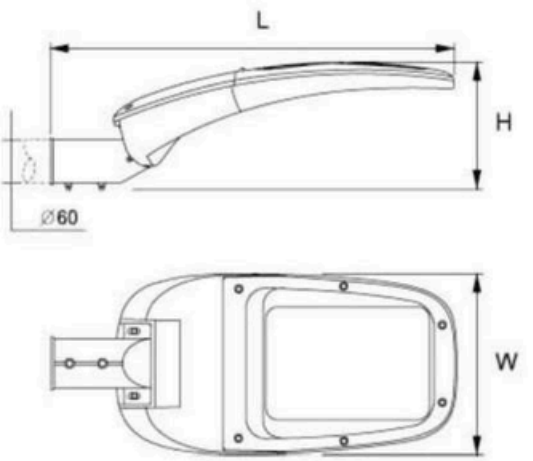
Điện áp sử dùng: 220-240Vac

Chống sét :10KV/20KV/30KV

Thời gian bảo hành : 2-3 năm

LED STREE LIGHT





SIZE	L	W	H	POWER
A	507	210	130	20W-50W
B	616	259	186	50W-80W
C	677	305	187	90W-150W
D	850	366	198	150W-220W

Thông số kỹ thuật:

Công suất : 30W-300W

Tấn số: 50/60Hz

Nguồn sáng : SMD philips lumileds

Hệ số công suất : >0.95

Hiệu suất phát sáng: 120lm/w

Vật liệu: nhôm đúc áp lực cao

Quang thông	20-60W	2400-7200lm
	80-100W	9600-10000lm
	120-150W	14400-18000lm
	180-240W	21600-28800lm

Kích thước	A	L507xW210xH130mm
	B	L616xW259xH186mm
	C	L676xW305xH187mm
	D	L850xW366xH198mm

Màu sắc sáng : trắng/vàng/trung tính

Nắp che quang học :kính thủy tinh

Nhiệt độ màu : 6500K/3000K/4000K

Cấp bảo vệ :IP66

Chỉ số hoàn màu : ≥70

Trụ phi lắp đặt : Ø60

Góc mở: 120°

Nhiệt độ làm việc : -30°～ 65 °

Driver : PHILIPS /MEANWELL

Tuổi thọ: 30000h-50000h

INVENTRONIC/DONE/LY

Độ chịu va đật: IK08

Điện áp sử dùng: 220-240Vac

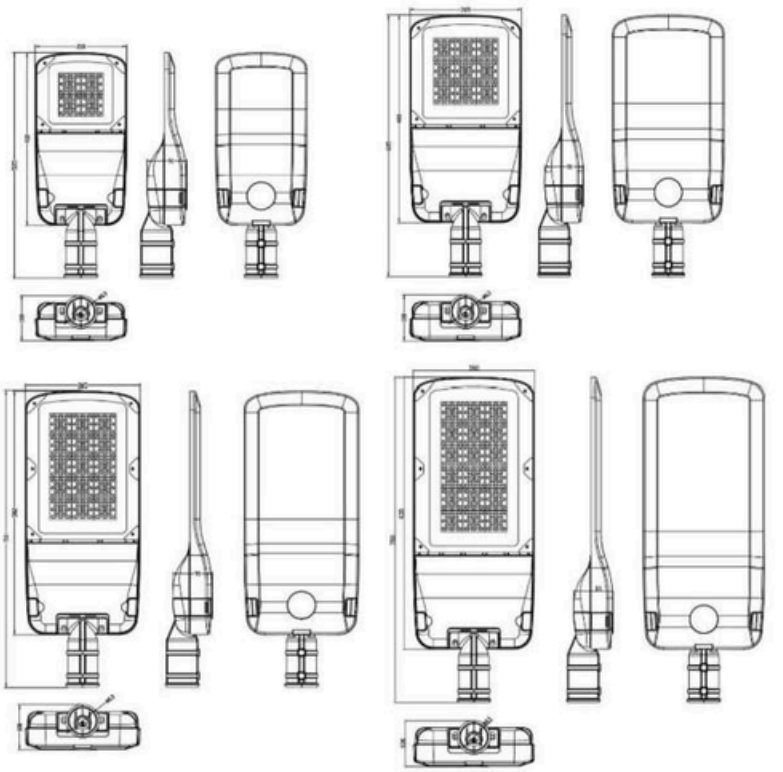
Chống sét :10KV/20KV/30KV

Thời gian bảo hành : 2-5 năm

LED STREE LIGHT







Thông số kỹ thuật:

Công suất : 20W-180W

Tấn số: 50/60Hz

Nguồn sáng : SMD philips lumileds

Hệ số công suất : >0.95

Hiệu suất phát sáng: 120lm/w

Vật liệu: nhôm đúc áp lực cao

Quang thông	30-50W	3600-6000lm
	80-100W	9600-12000lm
	120-150W	14400-18600lm
	180-200W	21600-24000lm

Kích thước	A	L535xW210xH108mm
	B	L605xW265xH108mm
	C	L710xW265xH108mm
	D	L760xW280XH108mm

Màu sắc sáng : trắng/vàng/trung tính

Nắp che quang học :kính thủy tinh

Nhiệt độ màu : 6500K/3000K/4000K

Cấp bảo vệ :IP66

Chỉ số hoàn màu : ≥70

Trụ phi lắp đặt : Ø60

Góc mở: 90/120 °

Nhiệt độ làm việc : -30°～ 65 °

Driver : PHILIPS /MEANWELL/ INVENTRONIC/DONE/LY

Tuổi thọ: 30000h-50000h

Độ chịu va đật: IK08

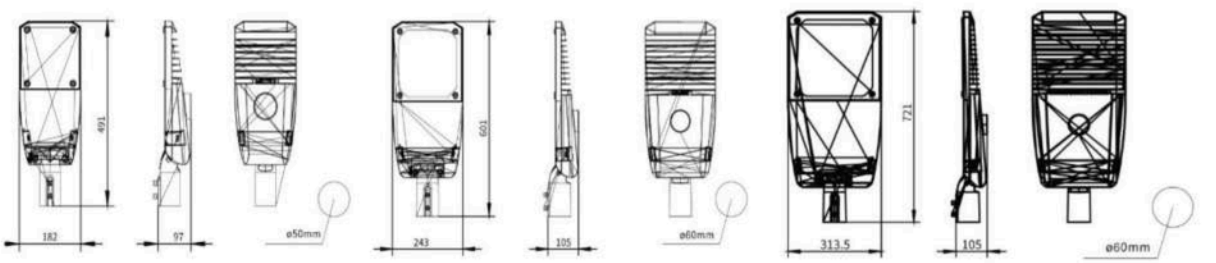
Điện áp sử dùng: 220-240Vac

Chống sét :10KV/20KV/30KV

Thời gian bảo hành : 2-3 năm

LED STREE LIGHT





Thông số kỹ thuật:

Công suất : 30W-200W

Tấn số: 50/60Hz

Nguồn sáng : SMD philips lumileds

Hệ số công suất : >0.95

Hiệu suất phát sáng: 120lm/w

Vật liệu: nhôm đúc áp lực cao

Quang thông	30-60W	3600-7200lm
	80-120W	9600-14400lm
	150-200W	18000-24000lm

Kích thước	A	L491xW182xH97mm
	B	L601xW243xH105mm
	C	L721xW313xH105mm

Màu sắc sáng : trắng/vàng/trung tính

Nắp che quang học :kính thủy tinh

Nhiệt độ màu : 6500K/3000K/4000K

Cấp bảo vệ :IP65

Chỉ số hoàn màu : ≥70

Trụ phi lắp đặt : Ø60

Góc mở: 90°

Nhiệt độ làm việc : -30°～ 65 °

Driver : PHILIPS /DONE/LY

Tuổi thọ: 30000h-50000h

Điện áp sử dùng: 220-240Vac

Chống sét :10KV/20KV/30KV

Thời gian bảo hành : 2-3 năm

LED GARDEN LIGHT












LIÊN HIỆP CÁC HỘI KHOA HỌC VÀ KỸ THUẬT VIỆT NAM

VĂN PHÒNG CHỨNG NHẬN CHẤT LƯỢNG

GIẤY CHỨNG NHẬN

Chứng nhận Hệ thống Quản lý Chất lượng

CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI THIẾT BỊ CHIẾU SÁNG VIETLUX

Địa chỉ: Số nhà 203-205 Ngách 168/150 Đường Phan Trọng Tuệ, Thôn Huỳnh Cung, Xã Đại Thanh, Thành phố Hà Nội

Đã được đánh giá và xác nhận phù hợp với các yêu cầu của tiêu chuẩn

TCVN ISO 9001:2015

Cho lĩnh vực

Sản xuất, lắp ráp và kinh doanh đèn LED

Được phép sử dụng dấu chứng nhận hợp chuẩn

Số Chứng nhận : HT.01.1024

Hiệu lực của Chứng nhận : Từ 24/10/2025 đến 23/10/2028

Chi tiết tại Quyết định số : 2372025/QĐ-BQC

ISO 9001:2015

HỘI ĐỒNG CHỨNG NHẬN
CHỦ TỊCH

Thạc sỹ khoa học
Mai Thái An

VĂN PHÒNG CHỨNG NHẬN CHẤT LƯỢNG
GIÁM ĐỐC

Chuyên gia đánh giá trưởng
Nguyễn Thùy Dương

Văn phòng Chứng nhận Chất lượng - Địa chỉ VP: Phòng 1005, tòa Vinata Towers - 28, 289 Khuất Duy Tiến, Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội



LIÊN HIỆP CÁC HỘI KHOA HỌC VÀ KỸ THUẬT VIỆT NAM
VIETNAM UNION OF SCIENCE AND TECHNOLOGY ASSOCIATIONS - VUSTA

VĂN PHÒNG CHỨNG NHẬN CHẤT LƯỢNG
BUREAU OF QUALITY CERTIFICATION

GIẤY CHỨNG NHẬN
CERTIFICATE

Chứng nhận sản phẩm/This is to certify that:
Đèn LED dùng cho chiếu sáng dân dụng, đường phố, nhà xưởng/
LED lights for civil, street, factory lighting

Nhãn hiệu: Vietlux

Được sản xuất tại/Produced by:

CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI THIẾT BỊ CHIẾU SÁNG VIETLUX
VIETLUX LIGHTING EQUIPMENT PRODUCTION AND TRADING CO., LTD.

Địa chỉ: Số nhà 203-205 Ngách 168/150 Đường Phan Trọng Tuệ, Thôn Huỳnh Cung, Xã Đại Thanh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Address: No. 203-205, Alley 168/150, Phan Trong Tue Street, Huynh Cung Village, Dai Thanh Commune, Hanoi City,Vietnam

Phù hợp với các yêu cầu kỹ thuật của Tiêu chuẩn/
To be in conformance with the technical requirements of :

TCVN 7722-1:2017
(IEC 60598-1:2014 With AMD1:2017)

Phương thức chứng nhận/Mode of certification:
Phương thức 5 - Thông tư 28/2012/TT-BKHCN ngày 12/12/2012
Mode 5 - Circular 28/2012/TT-BKHCN dated 12th December 2012

Được phép sử dụng dấu chứng nhận hợp chuẩn
And approved to bear Certification mark

Số chứng nhận / Certificate No. : HC.06.1101

Hiệu lực của chứng nhận / The validity of certificate : Từ/ From 24/10/2025 đến/ to 23/10/2028

Chi tiết tại quyết định số / Details in Decision No. : 2852025/QĐ-BQC

TCVN

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHỨNG NHẬN
Certification Committee
Chủ tịch/Chairman

Thạc sỹ Khoa học/Master of Science
Mai Thái An

VĂN PHÒNG CHỨNG NHẬN CHẤT LƯỢNG
Bureau of Quality Certification
Giám đốc/Director

Chuyên gia đánh giá trưởng/Lead Auditor
Nguyễn Thùy Dương



Quatest 1

TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
Directorate for Standards Metrology and Quality
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 1
Quality Assurance and Testing Center 1

Số/No.: 25 / TN2 / 2691 - 01 Trang/Page: 1 / 3

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST RESULT

1. Tên mẫu thử: Đèn LED Highbay 300W
2. Khách hàng: CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI THIẾT BỊ CHIẾU SÁNG VIETLUX
3. Số lượng mẫu: 01
4. Ngày nhận mẫu: 01 / 10 / 2025
5. Tình trạng mẫu: Mới
6. Thời gian thử nghiệm: 01 / 10 / 2025 ÷ 08 / 10 / 2025
7. Ngày hoàn thành: 08 / 10 / 2025

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Mức yêu cầu	Kết quả
1	Thông số điện, quang, phối ở điện áp nguồn 220 V – 50 Hz		TCVN 10885-2-1:2015		
1.1	Công suất tiêu thụ	W		≤ 300 + 10 % = 330	300,3
1.2	Dòng điện tiêu thụ	A		–	1,391
1.3	Hệ số công suất			–	0,981
1.4	Quang thông	lm		–	39 780
1.5	Nhiệt độ màu (CCT)	K		–	6 342
1.6	Hệ số trả màu (CRI)			–	71,6
1.7	Hiệu suất phát sáng	lm/W		–	132,5

Hà Nội, ngày 08 / 10 / 2025

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
ĐIỆN, ĐIỆN TỬ VÀ HIỆU SUẤT NĂNG LƯỢNG

Đặng Thanh Tùng

GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Ngọc Chiêm



Quatest 1

TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
Directorate for Standards Metrology and Quality
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 1
Quality Assurance and Testing Center 1

Số/No.: 25 / TN2 / 2691 - 02 Trang/Page: 1 / 4

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST RESULT

1. Tên mẫu thử: Đèn LED đường phố 150W
2. Khách hàng: CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI THIẾT BỊ CHIẾU SÁNG VIETLUX
3. Số lượng mẫu: 01
4. Ngày nhận mẫu: 01 / 10 / 2025
5. Tình trạng mẫu: Mới
6. Thời gian thử nghiệm: 01 / 10 / 2025 ÷ 08 / 10 / 2025
7. Ngày hoàn thành: 08 / 10 / 2025

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Mức yêu cầu	Kết quả
1	Thông số điện, quang, phối ở điện áp nguồn 220 V – 50 Hz		TCVN 10885-2-1:2015		
1.1	Công suất tiêu thụ	W	7722-1:2017	≤ 150 + 10 % = 165	150,1
1.2	Dòng điện tiêu thụ	A		–	0,691
1.3	Hệ số công suất			–	0,988
1.4	Quang thông	lm		–	18 030
1.5	Nhiệt độ màu (CCT)	K		–	6 243
1.6	Hệ số trả màu (CRI)			–	70,7
1.7	Hiệu suất phát sáng	lm/W		–	120,1
2	Thử nghiệm cấp bảo vệ bằng vỏ ngoài			IP66	Đạt

Hà Nội, ngày 08 / 10 / 2025

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
ĐIỆN, ĐIỆN TỬ VÀ HIỆU SUẤT NĂNG LƯỢNG

Đặng Thanh Tùng

GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Ngọc Chiêm



CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI THIẾT BỊ CHIẾU SÁNG VIETLUX

Đị a chỉ : Số nhà 203 -205 Ngách 168/ 150 Đường Phan Trọng Tuệ, Th ôn Huỳn h C ung, Xã Đại Thanh, Thành phố Hà Nội

Mã số thuế: 0111228401

PHỤ LỤC PHẠM VI CHỨNG NHẬN

(Ban hành theo Quyết định số: 388/2025/QĐ-BQC ngày 24 tháng 10 năm 2025)

STT	Tên sản phẩm	Nhãn hiệu	Mã sản phẩm	Thông số kỹ thuật
1	Đèn LED âm trần	Vietlux	VX-AT7	220V-7W-50Hz
2	Đèn LED âm trần		VX-AT9	220V-9W-50Hz
3	Đèn LED âm trần		VX-AT12	220V-12W-50Hz
4	Đèn LED âm trần	Vietlux	VX-AT18	220V-18W-50Hz
5	Đèn LED âm trần		VX-AT24	220V-24W-50Hz
6	Đèn LED ốp nổi		VX-ON9	220V-9W-50Hz
7	Đèn LED ốp nổi		VX-ON12	220V-12W-50Hz
8	Đèn LED ốp nổi		VX-ON18	220V-18W-50Hz
9	Đèn LED ốp nổi		VX-ON24	220V-24W-50Hz
10	Đèn LED panel		VX-PN24	220V-24W-50Hz
11	Đèn LED panel		VX-PN42	220V-42W-50Hz
12	Đèn LED panel		VX-PN48	220V-48W-50Hz
13	Đèn LED panel		VX-PN84	220V-84W-50Hz
14	Đèn tube LED		VX-TL18	220V-18W-50Hz
15	Đèn tube LED		VX-TL20	220V-20W-50Hz
16	Đèn tube LED		VX-TL25	220V-25W-50Hz
17	Đèn tube LED		VX-TL36	220V-36W-50Hz
18	Đèn LED chiếu sáng đường phố		VX-DD30W	220V-30W-50Hz
19	Đèn LED chiếu sáng đường phố		VX-DD50W	220V-50W-50Hz
20	Đèn LED chiếu sáng đường phố		VX-DD60W	220V-60W-50Hz
21	Đèn LED chiếu sáng đường phố		VX-DD80W	220V-80W-50Hz
22	Đèn LED chiếu sáng đường phố		VX-D100W	220V-100W-50Hz
23	Đèn LED chiếu sáng đường phố		VX-DD120W	220V-120W-50Hz
24	Đèn LED chiếu sáng đường phố		VX-DD150W	220V-150W-50Hz
25	Đèn LED chiếu sáng đường phố		VX-DD200W	220V-200W-50Hz

26	Đèn LED chiếu sáng đường phố	Vietlux	VX-DD250W	220V-250W-50Hz
27	Đèn LED nhà xưởng		VX-HB50W	220V-50W-50Hz
28	Đèn LED nhà xưởng		VX-HB80W	220V-80W-50Hz
29	Đèn LED nhà xưởng		VX-HB100W	220V-100W-50Hz
30	Đèn LED nhà xưởng		VX-HB120W	220V-120W-50Hz
31	Đèn LED nhà xưởng		VX-HB150W	220V-150W-50Hz
32	Đèn LED nhà xưởng		VX-HB200W	220V-200W-50Hz
33	Đèn LED nhà xưởng		VX-HB250W	220V-250W-50Hz
34	Đèn LED nhà xưởng		VX-HB300W	220V-300W-50Hz
35	Đèn LED nhà xưởng		VX-HB400W	220V-400W-50Hz
36	Đèn LED nhà xưởng		VX-UFO50W	220V-50W-50Hz
37	Đèn LED nhà xưởng		VX-UFO90W	220V-90W-50Hz
38	Đèn LED nhà xưởng		VX-UFO100W	220V-100W-50Hz
39	Đèn LED nhà xưởng		VX-UFO120W	220V-120W-50Hz
40	Đèn LED nhà xưởng		VX-UFO150W	220V-150W-50Hz
41	Đèn LED nhà xưởng		VX-UFO200W	220V-200W-50Hz
42	Đèn LED nhà xưởng		VX-UFO250W	220V-250W-50Hz
43	Đèn LED nhà xưởng		VX-UFO300W	220V-300W-50Hz
44	Đèn pha LED		VX-PL50W	220V-50W-50Hz
45	Đèn pha LED		VX-PL100W	220V-100W-50Hz
46	Đèn pha LED		VX-PL150W	220V-150W-50Hz
47	Đèn pha LED		VX-PL200W	220V-200W-50Hz
48	Đèn pha LED		VX-PL300W	220V-300W-50Hz
49	Đèn pha LED		VX-PL400W	220V-400W-50Hz
50	Đèn pha LED		VX-PL500W	220V-500W-50Hz